

NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG
VIỆT NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3602 /TGĐ-NHCT44
V/v Công bố thông tin Điều lệ sửa đổi của
VietinBank

Hà Nội, ngày 10 tháng 5 năm 2018

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM

Công ty: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

Mã chứng khoán: CTG

Địa chỉ trụ sở chính: 108 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 04 39421030

Fax: 04 39421032

Người thực hiện công bố thông tin: **Lê Đức Thọ** – Ủy viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc

Địa chỉ: 108 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 04 39421030

Fax: 04 39421032

Loại thông tin công bố 24 giờ bất thường theo yêu cầu định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (VietinBank) số 18/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/4/2018.

VietinBank đã tiến hành sửa đổi, bổ sung và ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động VietinBank (Chi tiết theo file đính kèm).

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử VietinBank vào ngày 10/5/2018 tại đường dẫn <http://investor.vietinbank.vn>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố. *SHT*

Tài liệu đính kèm:

- Điều lệ tổ chức và hoạt động VietinBank (bản sửa đổi, bổ sung năm 2018).

Người được ủy quyền CBTT
UỶ VIÊN HĐQT KIỂM TỔNG GIÁM ĐỐC



Lê Đức Thọ

No: 3602/TGD-NHCT44

Hanoi, 10th May 2018

Re: Information disclosure on revised
VietinBank's Charter

INFORMATION DISCLOSURE

Respectfully to: - The State Securities Commission
- Ho Chi Minh Stock Exchange

Company name: Viet Nam Joint Stock Commercial Bank for Industry & Trade

Securities code: CTG

Head Office: 108 Tran Hung Dao, Hoan Kiem District, Ha Noi

Telephone: +84.24.39421030 - Fax: +84.24.39421032

Disclosure person: **Mr. Le Duc Tho – BoDs' Member, General Director**

Address: 108 Tran Hung Dao, Hoan Kiem District, Ha Noi

Telephone: +84.24.39421030 - Fax: +84.24.39421032


Type of disclosed information: 24 hours Extraordinary As per request Periodic

Contents of information disclosure:

Pursuant to VietinBank's 2018 Annual General Meeting of Shareholders' Resolution No.18/NQ-DHĐCĐ dated 21st April 2018.

VietinBank has amended, supplemented and promulgated the Charter on organization and operation of VietinBank (*attached file*).

This information has been announced on electronic website of VietinBank on 10th May 2018 at <http://investor.vietinbank.vn>

We hereby commit that the disclosed information above is true and are entirely responsible for the contents of published information. 

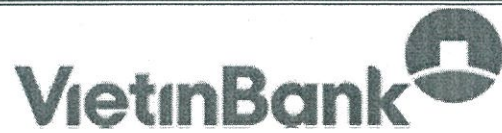
Attachments:

- VietinBank's Charter on organization and operation (*amended and supplemented on 2018*).

AUTHORISED PERSON FOR
INFORMATION DISCLOSURE
BoDs' MEMBER - GENERAL DIRECTOR



Le Duc Tho



ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN
CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

(Sửa đổi, bổ sung tháng 4/2018)

Hà Nội, ngày 21 tháng 4 năm 2018





MỤC LỤC

CHƯƠNG I: ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ.....	1
Điều 1. Giải thích thuật ngữ.....	1
CHƯƠNG II: TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA VIETINBANK	5
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của VietinBank...	5
Điều 3. Hình thức, tư cách pháp nhân, đại diện theo pháp luật của VietinBank.....	6
CHƯƠNG III: TÔN CHỈ, MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA VIETINBANK	6
Điều 4. Tôn chỉ, lĩnh vực kinh doanh và mục tiêu hoạt động của VietinBank	6
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động	6
Điều 6. Các hoạt động chính của VietinBank	6
Điều 7. Các giới hạn để đảm bảo an toàn trong hoạt động	9
Điều 8. Áp dụng điều ước quốc tế và tập quán quốc tế.....	9
Điều 9. Tổ chức chính trị - xã hội trong Ngân hàng	9
CHƯƠNG IV: VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU	9
Điều 10. Vốn điều lệ	9
Điều 11. Cổ phần.....	9
Điều 12. Chào bán cổ phần	10
Điều 13. Bán cổ phần.....	11
Điều 14. Mua lại cổ phần	11
Điều 15. Chuyển nhượng cổ phần.....	12
Điều 16. Thừa kế cổ phần	13
Điều 17. Giới hạn sở hữu cổ phần.....	14
Điều 18. Sổ đăng ký cổ đông	14
Điều 19. Cổ phiếu	15
Điều 20. Chứng chỉ chứng khoán khác	16
Điều 21. Thu hồi cổ phần.....	16
CHƯƠNG V: CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT.....	17
Điều 22. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	17
CHƯƠNG VI: CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	17
Điều 23. Quyền của cổ đông	17
Điều 24. Nghĩa vụ của cổ đông.....	19
Điều 25. Đại hội đồng cổ đông	20
Điều 26. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	21
Điều 27. Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	22
Điều 28. Thay đổi các quyền.....	23
Điều 29. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.....	23
Điều 30. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	25

Điều 31. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.....	25
Điều 32. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	27
Điều 33. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	28
Điều 34. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	30
Điều 35. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	31
CHƯƠNG VII: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	31
Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị.....	31
Điều 37. Thành phần, nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị.....	32
Điều 38. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	33
Điều 39. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	35
Điều 40. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	35
Điều 41. Quyền, nghĩa vụ thành viên Hội đồng quản trị.....	36
Điều 42. Cuộc họp của Hội đồng quản trị.....	37
Điều 43. Biên bản họp Hội đồng quản trị.....	40
Điều 44. Đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh Hội đồng quản trị.....	40
Điều 45. Các ủy ban giúp việc của Hội đồng quản trị.....	42
Điều 46. Thư ký VietinBank.....	42
CHƯƠNG VIII: TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	42
Điều 47. Bổ nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn, lương, thưởng và lợi ích khác của Tổng giám đốc.....	42
Điều 48. Giúp việc cho Tổng giám đốc.....	44
Điều 49. Tiêu chuẩn, điều kiện làm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc chi nhánh, Giám đốc công ty con của VietinBank.....	44
Điều 50. Đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm, Tổng giám đốc/Phó Tổng giám đốc.....	46
CHƯƠNG IX: BAN KIỂM SOÁT.....	47
Điều 51. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát.....	47
Điều 52. Thành viên Ban kiểm soát.....	47
Điều 53. Quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát.....	51
Điều 54. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát.....	52
Điều 55. Thù lao của thành viên Ban kiểm soát.....	52
Điều 56. Cuộc họp, thông qua quyết định và Biên bản họp Ban kiểm soát.....	52
CHƯƠNG X: HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ VÀ HỆ THỐNG KIỂM TOÁN NỘI BỘ.....	53
Điều 57. Hệ thống kiểm soát nội bộ.....	53
Điều 58. Kiểm toán nội bộ.....	53
CHƯƠNG XI: TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	53
Điều 59. Công khai lợi ích có liên quan.....	53
Điều 60. Nghĩa vụ của người quản lý của VietinBank và thành viên Ban kiểm soát.....	54
Điều 61. Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị chấp thuận.....	55
Điều 62. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	56

CHƯƠNG XII: MỐI QUAN HỆ GIỮA VIETINBANK VÀ CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN	56
Mục 1: Các đơn vị, Công ty con, Công ty liên kết của VietinBank.....	56
Điều 63. Các Đơn vị, Công ty con, Công ty liên kết của VietinBank.....	56
Mục 2: Quan hệ giữa VietinBank với các Đơn vị phụ thuộc.....	56
Điều 64. Quan hệ giữa VietinBank với các đơn vị phụ thuộc.....	56
Mục 3: Quan hệ giữa VietinBank với các Công ty có liên quan.....	56
Điều 65. Quản lý phần vốn góp của VietinBank tại Công ty có liên quan	56
Điều 66. Chi phối, liên kết, hỗ trợ các Công ty có liên quan	57
CHƯƠNG XIII: QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH, SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ NGÂN HÀNG	57
Điều 67. Quyền tiếp cận, kiểm tra sổ sách và hồ sơ Ngân hàng	57
Điều 68. Chế độ lưu giữ tài liệu của VietinBank	57
Điều 69. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng	58
CHƯƠNG XIV: PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	58
Điều 70. Phân phối lợi nhuận.....	58
CHƯƠNG XV: TÀI CHÍNH, HẠCH TOÁN, BÁO CÁO	60
Điều 71. Trích lập quỹ	60
Điều 72. Năm tài chính	60
Điều 73. Hạch toán, kế toán	60
Điều 74. Báo cáo	60
CHƯƠNG XVI: KIỂM TOÁN.....	61
Điều 75. Kiểm toán	61
CHƯƠNG XVII: CON DẤU.....	61
Điều 76. Con dấu.....	61
CHƯƠNG XVIII: TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ, CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG, THANH LÝ, PHÁ SẢN VIETINBANK	62
Điều 77. Tổ chức lại.....	62
Điều 78. Gia hạn hoạt động.....	62
Điều 79. Giải thể VietinBank.....	62
Điều 80. Phá sản VietinBank	63
CHƯƠNG XIX: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	63
Điều 81. Giải quyết tranh chấp nội bộ	63
CHƯƠNG XX: BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....	64
Điều 82. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ.....	64
CHƯƠNG XXI: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....	64
Điều 83. Ngày hiệu lực	64

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông tại đại hội tổ chức vào ngày 21 tháng 4 năm 2018.

CHƯƠNG I: ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. "**Vốn điều lệ**" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua và quy định tại Điều 10 Điều lệ này.

2. "**Luật Các tổ chức tín dụng**" là Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 16/6/2010, Luật Các tổ chức tín dụng sửa đổi, bổ sung năm 2017.

3. "**Luật Doanh nghiệp**" là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014.

4. "**Luật Chứng khoán**" là Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010.

5. "**Ngày thành lập**" là ngày VietinBank được Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép thành lập và hoạt động.

6. "**Ngân hàng nhà nước**" là Ngân hàng nhà nước Việt Nam.

7. "**Người quản lý của VietinBank**" bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc của VietinBank.

8. "**Người điều hành của VietinBank**" bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc chi nhánh của VietinBank.

9. "**Người đại diện vốn theo ủy quyền của VietinBank**" (gọi tắt là người đại diện vốn) là những người được Hội đồng quản trị của VietinBank cử để thực hiện quyền và trách nhiệm của VietinBank đối với một phần hoặc toàn bộ phần vốn đầu tư của VietinBank tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác.

10. "**Việt Nam**" là nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

11. "**Cổ đông**" là tổ chức hoặc cá nhân sở hữu ít nhất một cổ phần của VietinBank.

12. "**Cổ đông lớn**" là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ 5% (năm phần trăm) vốn cổ phần có quyền biểu quyết của VietinBank.

13. "**Cổ phần**" là vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau, mỗi phần đó được gọi là một cổ phần.

14. "**Cổ phiếu**" là chứng chỉ do VietinBank phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của VietinBank. Cổ phiếu VietinBank là cổ phiếu ghi tên.

f

15. **“Công ty có liên quan”** là doanh nghiệp do VietinBank nắm giữ một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ, gồm công ty con và công ty liên kết.

16. **“Công ty con”**: Công ty con của VietinBank là công ty thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) VietinBank hoặc VietinBank và người có liên quan của VietinBank sở hữu trên 50% (năm mươi phần trăm) vốn điều lệ hoặc trên 50% (năm mươi phần trăm) vốn cổ phần có quyền biểu quyết;

b) VietinBank có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên hoặc Tổng giám đốc (Giám đốc) của công ty con;

c) VietinBank có quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ của công ty con;

d) VietinBank và người có liên quan của VietinBank trực tiếp hay gián tiếp kiểm soát việc thông qua Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên công ty con.

17. **“Công ty liên kết”** là công ty trong đó VietinBank hoặc VietinBank và người có liên quan của VietinBank sở hữu trên 11% (mười một phần trăm) vốn điều lệ hoặc trên 11% (mười một phần trăm) vốn cổ phần có quyền biểu quyết nhưng không phải là công ty con của VietinBank.

18. **“Đại hội đồng cổ đông”** bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết.

19. **“Ứng cử, đề cử”** là việc một cổ đông cá nhân giới thiệu bản thân mình hoặc cá nhân khác; một cổ đông tổ chức giới thiệu đại diện của tổ chức mình hoặc cá nhân khác; một nhóm cổ đông đủ điều kiện được đề cử giới thiệu một hoặc một số cá nhân trong hoặc ngoài nhóm của mình làm các ứng cử viên để Đại hội đồng cổ đông bầu vào chức danh thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát của VietinBank theo quy định của pháp luật.

20. **“Đơn vị phụ thuộc”** là các đơn vị hạch toán phụ thuộc VietinBank, bao gồm chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp.

21. **“Người có liên quan”** là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với tổ chức, cá nhân khác thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Người có liên quan của một tổ chức gồm các trường hợp sau đây:

(i) VietinBank với công ty con của VietinBank và ngược lại; các công ty con của VietinBank với nhau;

(ii) Người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của VietinBank;

(iii) Cá nhân, tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của VietinBank;

(iv) Vợ, chồng, cha, mẹ, con (bao gồm cả cha nuôi, mẹ nuôi, con nuôi, bố chồng (bố vợ), mẹ chồng (mẹ vợ), con dâu (con rể), bố đượng, mẹ kế, con riêng của vợ hoặc chồng), anh ruột, chị ruột, em ruột (bao gồm cả anh, chị, em cùng mẹ khác cha hoặc cùng

cha khác mẹ), anh rể, chị dâu, em dâu, em rể của người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông sở hữu từ 5% (năm phần trăm) vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của VietinBank;

(v) Tổ chức, cá nhân sở hữu từ 5% (năm phần trăm) vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên tại VietinBank;

(vi) Cá nhân được ủy quyền đại diện phần vốn góp, cổ phần cho VietinBank;

(vii) Công ty hoặc tổ chức tín dụng mà VietinBank sở hữu từ 5% (năm phần trăm) vốn Điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên;

(viii) Công ty hoặc tổ chức tín dụng mà VietinBank có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của công ty, tổ chức tín dụng;

(ix) Công ty hoặc tổ chức tín dụng mà VietinBank có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý, thành viên ban kiểm soát của công ty mẹ của công ty hoặc tổ chức tín dụng này;

(x) Pháp nhân, cá nhân khác có mối quan hệ tiềm ẩn rủi ro cho hoạt động của VietinBank, được xác định theo quy định nội bộ của VietinBank hoặc theo yêu cầu bằng văn bản của Ngân hàng nhà nước thông qua hoạt động thanh tra, giám sát đối với từng trường hợp cụ thể;

(xi) Các trường hợp khác được xác định là “Người có liên quan” theo quy định của pháp luật.

b) “Người có liên quan” của một cá nhân gồm các trường hợp sau đây:

(i) Vợ, chồng, cha, mẹ, con (bao gồm cả cha nuôi, mẹ nuôi, con nuôi, bố chồng (bố vợ), mẹ chồng (mẹ vợ), con dâu (con rể); bố dượng, mẹ kế, con riêng của vợ hoặc chồng), anh ruột, chị ruột, em ruột (bao gồm cả anh, chị, em cùng mẹ khác cha hoặc cùng cha khác mẹ), anh rể, chị dâu, em dâu, em rể của cá nhân đó;

(ii) Công ty hoặc tổ chức tín dụng mà cá nhân đó sở hữu từ 5% (năm phần trăm) vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên;

(iii) Công ty con mà cá nhân đó là người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của công ty mẹ hoặc tổ chức tín dụng mẹ;

(iv) Công ty con mà cá nhân đó có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của công ty mẹ hoặc tổ chức tín dụng mẹ;

(v) Công ty hoặc tổ chức tín dụng mà cá nhân đó là người quản lý, thành viên Ban kiểm soát;

(vi) Công ty hoặc tổ chức tín dụng mà cá nhân đó là vợ, chồng, cha, mẹ, con (bao gồm cả cha nuôi, mẹ nuôi, con nuôi, bố chồng (bố vợ), mẹ chồng (mẹ vợ), con dâu (con rể), bố dượng, mẹ kế, con riêng của vợ hoặc chồng), anh ruột, chị ruột, em ruột (bao gồm cả anh, chị, em cùng mẹ khác cha hoặc cùng cha khác mẹ), anh rể, chị dâu, em dâu, em rể của người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, thành viên góp vốn hoặc cổ đông sở hữu từ 5% (năm phần trăm) vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của công ty hoặc tổ chức tín dụng đó;

- (vii) Tổ chức, cá nhân ủy quyền đại diện phần vốn góp, cổ phần cho cá nhân đó;
- (viii) Cá nhân cùng với cá nhân đó được một tổ chức ủy quyền đại diện phần vốn góp, cổ phần tại một tổ chức khác;
- (ix) Cá nhân được cá nhân đó ủy quyền đại diện phần vốn góp, cổ phần;
- (x) Các trường hợp khác được xác định là “Người có liên quan” theo quy định của pháp luật.

22. “**Pháp luật**” có nghĩa là tất cả các luật, pháp lệnh, nghị định, quyết định, thông tư và các văn bản quy phạm pháp luật khác được các cơ quan Nhà nước Việt Nam ban hành theo từng thời kỳ liên quan đến các hoạt động của Ngân hàng bao gồm cả các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế các quy định này.

23. “**Thành viên độc lập Hội đồng quản trị**” là thành viên Hội đồng quản trị đáp ứng các yêu cầu sau:

- a) Đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng, Điều lệ này;
- b) Không phải là người đang làm việc cho VietinBank hoặc công ty con của VietinBank hoặc đã làm việc cho VietinBank hoặc công ty con của VietinBank trong 03 (ba) năm liền kề trước đó;
- c) Không phải là người hưởng lương, thù lao thường xuyên của VietinBank ngoài những khoản phụ cấp của thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
- d) Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột và vợ, chồng của những người này là cổ đông lớn của VietinBank; là người quản lý của VietinBank hoặc công ty con của VietinBank;
- e) Không phải là người trực tiếp, gián tiếp sở hữu hoặc đại diện sở hữu từ 1% (một phần trăm) vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của VietinBank; không cùng người có liên quan sở hữu từ 5% (năm phần trăm) vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của VietinBank;
- f) Không phải là người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của VietinBank tại bất kỳ thời điểm nào trong 05 (năm) năm liền kề trước đó.

24. “**Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành**” là thành viên Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm vị trí Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc chi nhánh của VietinBank.

25. “**Vốn pháp định**” là vốn tối thiểu theo quy định của pháp luật để thành lập Ngân hàng.

26. “**VietinBank**” là tên viết tắt bằng tiếng Anh của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam.

27. “**Ngày**” là ngày theo lịch, bao gồm thời hạn được tính theo lịch chính thức do Nhà nước Việt Nam phát hành (dương lịch), bao gồm cả ngày nghỉ (thứ 7, chủ nhật, ngày Lễ, ngày Tết).

28. “Ngày làm việc” là các ngày theo dương lịch, trừ ngày nghỉ hàng tuần, ngày nghỉ Lễ, Tết theo quy định của pháp luật và quy định của VietinBank tại từng thời kỳ.

29. “Đa số” có nghĩa là trên 50% (năm mươi phần trăm).

30. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

31. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

32. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp và Luật Các tổ chức tín dụng (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

CHƯƠNG II: TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA VIETINBANK

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của VietinBank

1. Tên Ngân hàng

- Tên viết đầy đủ bằng tiếng Việt: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam.

- Tên viết tắt bằng tiếng Việt: Ngân hàng Công Thương Việt Nam.

- Tên viết đầy đủ bằng tiếng Anh: Vietnam Joint Stock Commercial Bank For Industry And Trade.

- Tên viết tắt bằng tiếng Anh: VietinBank.

2. Trụ sở chính của VietinBank là:

- Địa chỉ: 108 Trần Hưng Đạo, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

- Điện thoại: (84-24) 39421030.

- Fax: (84-24) 39421032.

- Website: www.VietinBank.vn.

VietinBank có quyền chuyển một hoặc một số đơn vị thuộc trụ sở chính sang địa điểm khác nằm ngoài trụ sở chính phù hợp với các điều kiện theo quy định của pháp luật.

3. VietinBank được mở chi nhánh, văn phòng đại diện trong nước và ngoài nước; thành lập công ty con, đơn vị sự nghiệp để thực hiện các mục tiêu của VietinBank phù hợp với Nghị quyết của Hội đồng quản trị, Quyết định của Ngân hàng nhà nước và pháp luật có liên quan.

4. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 6 Điều 79, phá sản theo Điều 80 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 78 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của

VietinBank là 99 (chín mươi chín) năm kể từ ngày được Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép thành lập và hoạt động.

Điều 3. Hình thức, tư cách pháp nhân, đại diện theo pháp luật của VietinBank

1. VietinBank được tổ chức dưới hình thức ngân hàng thương mại cổ phần, hoạt động theo Điều lệ và pháp luật.

2. VietinBank có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông của VietinBank giới hạn trong phạm vi số vốn đã góp vào VietinBank.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của VietinBank, thực hiện các quyền hạn, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và các quy định nội bộ của VietinBank.

CHƯƠNG III: TÔN CHỈ, MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA VIETINBANK

Điều 4. Tôn chỉ, lĩnh vực kinh doanh và mục tiêu hoạt động của VietinBank

1. Tôn chỉ của VietinBank là trở thành một tập đoàn tài chính, ngân hàng đa năng trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng theo quy định của pháp luật Việt Nam; cung cấp cho xã hội danh mục đa dạng các nghiệp vụ, sản phẩm dịch vụ tài chính, ngân hàng có chất lượng cao, phù hợp với thông lệ quốc tế; giữ vững vai trò chủ đạo và chủ lực tại Việt Nam; từng bước mở rộng thị trường và khẳng định thương hiệu, uy tín trong khu vực và quốc tế.

2. Lĩnh vực kinh doanh của VietinBank là hoạt động tài chính ngân hàng và các hoạt động kinh doanh khác phù hợp với Luật Các tổ chức tín dụng.

3. Mục tiêu hoạt động của VietinBank là gia tăng giá trị cho cổ đông, người lao động; mang lại lợi ích cho cộng đồng; nâng giá trị cuộc sống; góp phần thực hiện chính sách tiền tệ quốc gia và phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; trên cơ sở đó xây dựng VietinBank trở thành một tập đoàn tài chính, ngân hàng mạnh, có sức cạnh tranh cao, tin cậy, hiệu quả và hiện đại.

4. Định vị thương hiệu: Nâng giá trị cuộc sống.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. VietinBank tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo giấy phép thành lập và hoạt động do Ngân hàng nhà nước cấp, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Điều lệ này và phù hợp với quy định của pháp luật.

2. VietinBank có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng và pháp luật có liên quan.

Điều 6. Các hoạt động chính của VietinBank

1. Hoạt động ngân hàng thương mại

a) Huy động vốn

VietinBank huy động vốn của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, bằng đồng Việt Nam, ngoại tệ, vàng và các công cụ tài chính khác theo quy định của pháp luật, dưới các hình thức sau:

- (i) Nhận tiền gửi;
- (ii) Phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, trái phiếu và các công cụ nợ khác;
- (iii) Vay vốn của các tổ chức tín dụng khác, Ngân hàng nhà nước, các tổ chức khác;
- (iv) Các hình thức huy động vốn khác theo quy định của pháp luật.

b) Hoạt động tín dụng

VietinBank cấp tín dụng cho tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, bằng đồng Việt Nam, ngoại tệ, vàng theo quy định của pháp luật dưới các hình thức sau:

(i) Cho vay ngắn hạn, trung hạn, dài hạn nhằm đáp ứng nhu cầu vốn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, đời sống và thực hiện các dự án đầu tư phát triển;

- (ii) Bảo lãnh;
- (iii) Cho thuê tài chính thông qua công ty cho thuê tài chính;
- (iv) Chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác;
- (v) Bao thanh toán;
- (vi) Các hình thức cấp tín dụng khác.

c) Dịch vụ thanh toán và ngân quỹ

(i) Mở tài khoản, cung ứng dịch vụ thanh toán và ngân quỹ cho khách hàng trong nước và ngoài nước theo quy định của pháp luật;

(ii) Tổ chức hệ thống thanh toán nội bộ và tham gia hệ thống thanh toán trong nước và ngoài nước; tham gia các hệ thống thanh toán quốc tế khi được Ngân hàng nhà nước cho phép;

(iii) Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối, kinh doanh trên thị trường tài chính - tiền tệ trong nước và ngoài nước sau khi được Ngân hàng nhà nước chấp thuận;

(iv) Kinh doanh vàng trên thị trường trong nước và thị trường quốc tế sau khi được Ngân hàng nhà nước chấp thuận;

(v) Được quyền uỷ thác, nhận uỷ thác, làm đại lý trong hoạt động ngân hàng, các lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kể cả việc quản lý tài sản, vốn đầu tư của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo hợp đồng uỷ thác, đại lý;

(vi) Cung ứng các dịch vụ:

- Tư vấn tài chính, tiền tệ cho khách hàng dưới hình thức trực tiếp tư vấn cho khách hàng hoặc thông qua thành lập công ty có liên quan.

- Bảo quản hiện vật quý, giấy tờ có giá, cho thuê tủ két, cầm đồ và các dịch vụ khác.

(vii) Các hoạt động kinh doanh và dịch vụ ngân hàng khác.

X

2. Hoạt động ngân hàng khác

VietinBank thực hiện hoạt động ngân hàng đầu tư trực tiếp hoặc thông qua các công ty con, công ty liên kết theo quy định của pháp luật. Hoạt động ngân hàng đầu tư bao gồm các loại hình sau:

a) Đầu tư tài chính:

(i) Đầu tư, kinh doanh giấy tờ có giá, chứng khoán;

(ii) Góp vốn, mua cổ phần trong các doanh nghiệp, tổ chức tín dụng, dự án; đầu tư vốn vào các công ty trực thuộc; các hình thức góp vốn hoặc đầu tư vốn khác theo quy định của pháp luật;

(iii) Mua, bán trái phiếu các loại, trong đó có việc mua, bán trái phiếu doanh nghiệp, trên nguyên tắc phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

b) Các dịch vụ về chứng khoán:

(i) Môi giới, tự doanh, bảo lãnh phát hành, đại lý phát hành, tư vấn phát hành, tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn đầu tư và các dịch vụ tư vấn khác;

(ii) Quản lý, phân phối chứng chỉ quỹ đầu tư;

(iii) Dịch vụ lưu ký chứng khoán, ngân hàng giám sát;

(iv) Các dịch vụ khác về chứng khoán.

c) Quản lý quỹ đầu tư, quản lý danh mục đầu tư, uỷ thác đầu tư, nhận uỷ thác đầu tư.

d) Tư vấn việc mua bán, sáp nhập, tái cơ cấu doanh nghiệp; mua bán nợ theo quy định của pháp luật.

e) Kinh doanh, cung ứng dịch vụ cho khách hàng trong nước và nước ngoài các sản phẩm phái sinh về tỷ giá, lãi suất, ngoại hối, tiền tệ, giá cả hàng hóa và các sản phẩm tài chính trên nguyên tắc phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

f) Các hoạt động ngân hàng đầu tư khác theo quy định của pháp luật.

3. Hoạt động bảo hiểm

VietinBank thực hiện cung ứng dịch vụ bảo hiểm thông qua công ty bảo hiểm là công ty con, công ty liên kết của VietinBank hoặc làm đại lý cho các công ty bảo hiểm theo quy định của pháp luật, bao gồm:

a) Bảo hiểm nhân thọ;

b) Bảo hiểm phi nhân thọ;

c) Tái bảo hiểm;

d) Các dịch vụ bảo hiểm khác.

4. Các hoạt động khác

a) Các sản phẩm dịch vụ tài chính phái sinh sau khi được Ngân hàng nhà nước chấp thuận;

b) Các dịch vụ khác về tài chính, ngân hàng, đầu tư. Thành lập công ty con để hoạt động trong lĩnh vực quản lý, khai thác, bán tài sản trong quá trình xử lý tài sản bảo đảm tiền vay và tài sản mà Nhà nước giao cho VietinBank xử lý thu hồi nợ;

c) Được cho thuê các tài sản thuộc quyền sở hữu, quản lý và sử dụng của VietinBank theo quy định của pháp luật, bảo đảm có hiệu quả, an toàn và phát triển vốn;

d) VietinBank thực hiện các hoạt động khác phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 7. Các giới hạn để đảm bảo an toàn trong hoạt động

Trong quá trình hoạt động, VietinBank tuân thủ các quy định về các giới hạn để bảo đảm an toàn trong hoạt động theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 8. Áp dụng điều ước quốc tế và tập quán quốc tế

1. VietinBank áp dụng điều ước quốc tế liên quan đến hoạt động ngân hàng mà Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia.

2. VietinBank có thể thoả thuận với khách hàng áp dụng tập quán quốc tế có liên quan đến hoạt động ngân hàng, nếu tập quán đó không trái với nguyên tắc áp dụng tập quán quốc tế của pháp luật Việt Nam.

Điều 9. Tổ chức chính trị - xã hội trong Ngân hàng

1. Các tổ chức chính trị - xã hội trong VietinBank hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật của Việt Nam và Điều lệ của tổ chức mình phù hợp với quy định của pháp luật.

2. VietinBank tôn trọng và tạo điều kiện để người lao động thành lập và tham gia hoạt động trong các tổ chức nêu tại khoản 1 Điều này.

CHƯƠNG IV: VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU

Điều 10. Vốn điều lệ

1. Vốn điều lệ của VietinBank là 37.234.045.560.000 đồng Việt Nam (Ba mươi bảy nghìn hai trăm ba mươi bốn tỷ không trăm bốn mươi lăm triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng).

2. Vốn điều lệ được hạch toán bằng đồng Việt Nam (VNĐ).

3. Vốn điều lệ được sử dụng vào các mục đích, theo tỷ lệ do pháp luật quy định.

4. Tăng, giảm vốn điều lệ

VietinBank có thể tăng hoặc giảm vốn điều lệ trên cơ sở quyết định của Đại hội đồng cổ đông phù hợp với quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật có liên quan. Việc tăng, giảm vốn điều lệ chỉ thực hiện sau khi được Ngân hàng nhà nước chấp thuận.

Điều 11. Cổ phần

1. Mỗi cổ phần của VietinBank có mệnh giá là 10.000 (mười nghìn) đồng. Số lượng cổ phần của VietinBank bằng vốn điều lệ chia cho mệnh giá một cổ phần.

2. Toàn bộ cổ phần của VietinBank vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông.

3. Cổ phần ưu đãi:

VietinBank có thể phát hành một hoặc nhiều loại cổ phần ưu đãi sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật. Cổ phần phổ thông không được chuyển đổi thành cổ phần ưu đãi.

4. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho người sở hữu cổ phần đó các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau.

5. Cổ đông có thể cầm cố cổ phần của VietinBank để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ theo quy định của pháp luật nhưng không được cầm cố tại chính VietinBank.

Điều 12. Chào bán cổ phần

1. Chào bán cổ phần là việc VietinBank tăng thêm số lượng cổ phần được quyền chào bán và bán các cổ phần đó trong quá trình hoạt động để tăng vốn điều lệ.

2. Chào bán cổ phần có thể thực hiện theo một trong các hình thức sau đây:

a) Chào bán cho các cổ đông hiện hữu;

b) Chào bán ra công chúng;

c) Chào bán cổ phần riêng lẻ.

3. Việc chào bán cổ phần của VietinBank được thực hiện theo các quy định của pháp luật về chứng khoán.

4. Trường hợp VietinBank phát hành thêm cổ phần phổ thông và chào bán số cổ phần đó cho tất cả cổ đông phổ thông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của cổ đông tại VietinBank thì trình tự thủ tục chào bán cổ phiếu thực hiện theo quy định của pháp luật và quy định của VietinBank tại từng thời điểm.

5. Cổ đông có quyền chuyển quyền ưu tiên mua cổ phần của mình cho người khác.

6. Trường hợp số lượng cổ phần dự định chào bán không được cổ đông và người nhận chuyển quyền ưu tiên mua đăng ký mua hết thì số cổ phần đó sẽ do Hội đồng quản trị quyết định xử lý. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông khác của VietinBank hoặc người khác theo cách thức hợp lý với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán.

7. Cổ phần được coi là đã bán khi được thanh toán đủ và những thông tin về người mua quy định tại khoản 1 Điều 18 Điều lệ này được ghi đầy đủ vào Sổ đăng ký cổ đông; kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần trở thành cổ đông của VietinBank.

8. Sau khi cổ phần được bán dưới hình thức chứng chỉ, VietinBank phải phát hành và trao cổ phiếu cho người mua. Đối với cổ phần được bán dưới hình thức bút toán ghi sổ, các thông tin về cổ đông quy định tại khoản 1 Điều 18 Điều lệ này được ghi vào Sổ đăng ký cổ đông là đủ để chứng thực quyền sở hữu cổ phần của cổ đông đó trong VietinBank.

9. VietinBank thực hiện đăng ký thay đổi vốn điều lệ trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành đợt bán cổ phần.

Điều 13. Bán cổ phần

Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá bán cổ phần theo phương án tăng vốn điều lệ được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Giá bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị một cổ phần được ghi trong sổ sách kế toán của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây:

1. Cổ phần chào bán lần đầu tiên cho những người không phải là cổ đông sáng lập.
2. Cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ tại VietinBank.
3. Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 14. Mua lại cổ phần

1. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của VietinBank

VietinBank có quyền mua lại không quá 30% (ba mươi phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông đã bán theo quy định sau đây:

a) Hội đồng quản trị VietinBank có quyền quyết định mua lại không quá 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong 12 (mười hai) tháng. Trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

b) Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản này. Đối với cổ phần loại khác, nếu VietinBank và cổ đông có liên quan không có thỏa thuận khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường.

c) VietinBank có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong VietinBank. Trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của VietinBank phải được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến được tất cả cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính của VietinBank, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho VietinBank.

Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi chào bán cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến được VietinBank trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày thông báo. Chào bán phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số thẻ căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần chào bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. VietinBank chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.

2. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông

a) Cổ đông biểu quyết phân đối nghị quyết về việc tổ chức lại VietinBank hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ VietinBank có quyền yêu cầu VietinBank mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải lập thành văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu VietinBank mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến VietinBank trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.

b) VietinBank phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại điểm a khoản 2 Điều này với giá thị trường hoặc giá thỏa thuận trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá. VietinBank giới thiệu ít nhất 03 (ba) tổ chức định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

3. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại

a) VietinBank chỉ được mua lại cổ phần của cổ đông quy định tại khoản 1 và 2 Điều này nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, VietinBank vẫn tuân thủ các tỷ lệ an toàn theo quy định của Ngân hàng nhà nước, đủ vốn pháp định theo quy định của pháp luật và bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác.

b) Cổ phần được mua lại theo quy định tại khoản 1 và 2 Điều này được coi là cổ phần chưa bán. Trường hợp mua lại cổ phần dẫn đến giảm vốn điều lệ của VietinBank thì phải được Ngân hàng nhà nước chấp thuận trước bằng văn bản. VietinBank phải làm thủ tục điều chỉnh giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần được VietinBank mua lại trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phần, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác.

c) Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại phải được tiêu hủy ngay sau khi cổ phần tương ứng được thanh toán đầy đủ. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu hủy hoặc chậm tiêu hủy cổ phiếu gây ra đối với VietinBank.

d) Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của VietinBank giảm hơn 10% (mười phần trăm) thì VietinBank phải thông báo 03 (ba) lần trên các phương tiện thông tin đại chúng và trên website của VietinBank cho tất cả chủ nợ biết trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày thanh toán hết cổ phần mua lại.

Điều 15. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả cổ phần đều được tự do chuyển nhượng trừ các trường hợp Điều lệ này, pháp luật có quy định khác.

2. Trường hợp cổ đông có cam kết hoặc có thỏa thuận không được chuyển nhượng thì trong thời hạn theo cam kết hoặc thỏa thuận sẽ không được chuyển nhượng, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Việc chuyển nhượng cổ phần của Vietinbank được thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

4. Giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện uỷ quyền của họ ký. Bên chuyển nhượng vẫn là người sở hữu cổ phần có liên quan đến khi tên của người nhận chuyển nhượng được đăng ký vào Sổ đăng ký cổ đông.

5. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại VietinBank cho người khác, sử dụng cổ phần để trả nợ. Trường hợp này, người được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ là cổ đông của VietinBank.

6. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

7. Các trường hợp chuyển nhượng cổ phần sau đây phải được Thống đốc Ngân hàng nhà nước chấp thuận bằng văn bản trước khi chuyển nhượng:

a) Chuyển nhượng cổ phần của cổ đông lớn;

b) Các giao dịch mua bán cổ phần dẫn đến cổ đông lớn trở thành cổ đông thường và ngược lại.

8. Cổ đông là cá nhân, cổ đông là tổ chức có người đại diện là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của VietinBank không được chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian đảm nhiệm chức vụ.

9. Trong thời gian đang xử lý hậu quả theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo quyết định của Ngân hàng nhà nước do trách nhiệm cá nhân, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc không được chuyển nhượng cổ phần, trừ một trong các trường hợp sau đây:

a) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc là đại diện theo uỷ quyền của cổ đông tổ chức bị sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật;

b) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc bị buộc chuyển nhượng cổ phần theo quyết định của Tòa án;

c) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc chuyển nhượng cổ phần cho các nhà đầu tư khác nhằm thực hiện phương án cơ cấu lại đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 16. Thừa kế cổ phần

1. Việc thừa kế cổ phần thực hiện theo quy định của Điều lệ này, pháp luật về thừa kế và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

2. Sau khi xuất trình đầy đủ các giấy tờ chứng minh quyền thừa kế hợp pháp, người thừa kế thực hiện đăng ký các loại cổ phần được thừa kế tại Sổ đăng ký cổ đông và trở

thành cổ đông của VietinBank, được hưởng mọi quyền lợi và nghĩa vụ của cổ đông mà họ thừa kế phù hợp với quy định tại Điều lệ này và pháp luật.

3. Người thừa kế cổ phần của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và người quản lý khác được sở hữu cổ phần nhưng không được đương nhiên thừa kế quyền làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và các chức danh quản lý tương ứng.

4. Trường hợp cổ phần của cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.

Điều 17. Giới hạn sở hữu cổ phần

1. Một cổ đông là cá nhân không được sở hữu vượt quá 5% (năm phần trăm) vốn điều lệ của VietinBank.

2. Một cổ đông là tổ chức không được sở hữu vượt quá 15% (mười lăm phần trăm) vốn điều lệ của VietinBank, trừ các trường hợp sau đây:

a) VietinBank được kiểm soát đặc biệt theo phương án cơ cấu lại được cấp có thẩm quyền phê duyệt; sở hữu cổ phần của VietinBank tại công ty con, công ty liên kết quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 103 Luật Các tổ chức tín dụng;

b) Sở hữu cổ phần nhà nước tại VietinBank;

c) Sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài quy định tại khoản 2 Điều 16 của Luật Các tổ chức tín dụng.

3. Cổ đông và người có liên quan của cổ đông đó không được sở hữu cổ phần vượt quá 20% (hai mươi phần trăm) vốn điều lệ của VietinBank, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này. Cổ đông lớn của VietinBank và người có liên quan của cổ đông đó không được sở hữu cổ phần từ 5% (năm phần trăm) trở lên vốn điều lệ của một tổ chức tín dụng khác.

4. Trường hợp các tổ chức, cá nhân nắm giữ trái phiếu chuyển đổi, sau khi chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu phải tuân thủ giới hạn sở hữu cổ phần tại Điều này.

5. Tỷ lệ sở hữu quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này bao gồm cả phần vốn ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác mua cổ phần.

6. Việc sở hữu cổ phần vượt tỷ lệ nêu trên phải được Ngân hàng nhà nước chấp thuận theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Sổ đăng ký cổ đông

1. Sổ đăng ký cổ đông được lập và lưu giữ dưới dạng văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này từ khi VietinBank thực hiện cổ phần hóa. Sổ đăng ký cổ đông phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của VietinBank.

b) Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán từng loại.

c) Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp.

d) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức.

e) Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.

2. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của VietinBank hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung Sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của VietinBank hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán.

3. Các giao dịch chuyển nhượng cổ phần phát sinh trong khoảng thời gian từ sau ngày chốt danh sách cổ đông đến ngày quyền của cổ đông được thực hiện, người chuyển nhượng là người được hưởng các quyền của cổ đông, ngoại trừ quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 27 Điều lệ này.

4. Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ thường trú thì phải thông báo kịp thời với VietinBank để cập nhật vào Sổ đăng ký cổ đông. VietinBank không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ của cổ đông.

Điều 19. Cổ phiếu

1. Cổ đông của VietinBank được cấp cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này.

2. Cổ phiếu của VietinBank phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của VietinBank.

b) Số lượng cổ phần và loại cổ phần.

c) Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu.

d) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính cổ đông là tổ chức.

e) Tóm tắt về thủ tục chuyển nhượng cổ phần.

f) Chữ ký mẫu của người đại diện theo pháp luật và dấu của VietinBank.

g) Số đăng ký tại Sổ đăng ký cổ đông của VietinBank và ngày phát hành cổ phiếu.

h) Các nội dung khác theo quy định tại các Điều 116, 117 và 118 của Luật Doanh nghiệp đối với cổ phiếu của cổ phần ưu đãi, nếu có.

3. Trường hợp cổ phiếu được phát hành dưới hình thức chứng chỉ, Vietinbank phải phát hành cổ phiếu cho các cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày cổ đông thanh toán đủ cổ phần cam kết mua đối với VietinBank hoặc kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển nhượng quyền sở hữu cổ phiếu theo quy định của VietinBank.

4. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần trong cổ phiếu có ghi tên, cổ phiếu cũ sẽ bị hủy bỏ và VietinBank sẽ cấp miễn phí cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần còn lại.

5. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác thì cổ đông được VietinBank cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó nếu đưa ra được bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho VietinBank. Đề nghị của cổ đông phải có các nội dung sau đây:

a) Cổ phiếu đã bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác; trường hợp bị mất thì phải cam đoan rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được sẽ đem trả VietinBank để tiêu hủy;

b) Chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới. Đối với cổ phiếu có tổng mệnh giá trên mười triệu Đồng Việt Nam, trước khi gửi đề nghị cấp cổ phiếu mới, Người đại diện theo pháp luật của VietinBank có quyền yêu cầu chủ sở hữu cổ phiếu đăng thông báo về việc cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác và sau 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày đăng thông báo sẽ đề nghị VietinBank cấp cổ phiếu mới.

6. VietinBank có thể phát hành cổ phiếu dưới hình thức bút toán ghi sổ. Hội đồng quản trị có thể ban hành văn bản quy định việc phát hành, chuyển nhượng và các vấn đề liên quan đến các loại cổ phiếu này theo quy định của pháp luật.

7. Cổ phiếu của VietinBank được mua bằng tiền Việt Nam và phải thanh toán đủ một lần.

8. VietinBank có quyền phát hành trái phiếu chuyển đổi sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và được Thống đốc Ngân hàng nhà nước chấp thuận bằng văn bản; VietinBank quy định cụ thể về phương thức phát hành, thời điểm phát hành, thời hạn chuyển đổi trái phiếu, tỷ lệ chuyển đổi trái phiếu, biên độ biến động giá cổ phiếu, mục đích sử dụng nguồn thu từ phát hành trái phiếu chuyển đổi, các quyền và nghĩa vụ của người sở hữu trái phiếu chuyển đổi theo quy định của pháp luật và công khai các thông tin này vào thời điểm phát hành trái phiếu chuyển đổi.

Điều 20. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ chứng khoán khác của VietinBank được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của VietinBank.

Điều 21. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cá nhân, tổ chức đăng ký mua cổ phần không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu

cầu cá nhân, tổ chức đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho VietinBank.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (trong thời hạn là 07 (bảy) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 111 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cá nhân, tổ chức nắm giữ cổ phần bị thu hồi không có tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán các khoản tiền có liên quan và lãi phát sinh theo tỷ lệ do VietinBank quy định vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến cá nhân, tổ chức nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

CHƯƠNG V: CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 22. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của VietinBank bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Tổng giám đốc.

CHƯƠNG VI: CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 23. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau đây:

a) Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền hoặc theo hình thức khác do pháp luật, Điều lệ này quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết.

b) Được ứng cử hoặc đề cử người vào Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật.

c) Được nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

d) Được ưu tiên mua cổ phần mới mà VietinBank chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà cổ đông sở hữu.

e) Được tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

f) Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác.

g) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ của VietinBank, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

h) Trong trường hợp VietinBank bị giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng tỷ lệ số cổ phần sở hữu, sau khi VietinBank đã thanh toán cho chủ nợ và các đối tượng ưu tiên khác theo quy định của pháp luật.

i) Được ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình. Người được ủy quyền không được ứng cử với tư cách của chính mình.

k) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên của VietinBank trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng có các quyền:

a) Xem xét và trích lục sổ biên bản và các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính 6 (sáu) tháng đầu năm và hàng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát.

b) Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

(i) Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng các quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý của VietinBank hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao.

(ii) Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá 06 (sáu) tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế.

(iii) Yêu cầu triệu tập họp phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với các cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của VietinBank, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.

c) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông lớn hoặc nhóm cổ đông lớn sở hữu từ 05% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên của VietinBank trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng có các quyền:

a) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra sổ kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, điều hành hoạt động của VietinBank khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân, giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký doanh nghiệp đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của VietinBank; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra.

b) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 24. Nghĩa vụ của cổ đông

1. Tuân thủ Điều lệ VietinBank và các quy chế nội bộ của Vietinbank; chấp hành Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định, chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của VietinBank trong phạm vi vốn cổ phần đã góp vào VietinBank.

4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.

5. Không được rút vốn bằng cổ phần phổ thông đã góp ra khỏi VietinBank dưới mọi hình thức dẫn đến việc giảm vốn điều lệ của VietinBank, trừ trường hợp được VietinBank hoặc người khác mua lại cổ phần theo quy định của pháp luật. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong VietinBank phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của VietinBank trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh VietinBank dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a) Vi phạm pháp luật;

b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với VietinBank.

7. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của nguồn vốn góp, mua, nhận chuyển nhượng cổ phần tại VietinBank; không sử dụng nguồn vốn do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cấp tín dụng để mua, nhận chuyển nhượng cổ phần của

VietinBank; không được góp vốn, mua cổ phần của VietinBank dưới tên của cá nhân, pháp nhân khác dưới mọi hình thức, trừ trường hợp ủy thác theo quy định của pháp luật.

8. Cổ đông nhận ủy thác đầu tư cho tổ chức, cá nhân khác phải cung cấp cho VietinBank thông tin về chủ sở hữu thực sự của số cổ phần mà mình nhận ủy thác đầu tư trong VietinBank. VietinBank có quyền đình chỉ quyền cổ đông của các cổ đông này trong trường hợp phát hiện họ không cung cấp thông tin xác thực về chủ sở hữu thực sự các cổ phần.

9. Bảo vệ uy tín, tài sản, lợi ích và giữ bí mật về các hoạt động của VietinBank.

10. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 25. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của VietinBank. Đại hội đồng cổ đông được tổ chức thông qua cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, Đại hội đồng cổ đông bất thường hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 (bốn) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ này, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của VietinBank có các khoản ngoại trừ trọng yếu, VietinBank có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của VietinBank;

b) Tình hình tài chính của VietinBank cho thấy VietinBank bị lâm vào tình trạng kiểm soát đặc biệt theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và quy định của Ngân hàng nhà nước;

c) Số thành viên Hội đồng quản trị không đủ 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên của nhiệm kỳ, số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật và Điều lệ này hoặc những trường hợp bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát quy định tại khoản 11 Điều 52 Điều lệ này;

d) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 23 Điều lệ này;

e) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

f) Theo yêu cầu của Ngân hàng nhà nước Việt Nam;

g) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

4. Thời gian triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường.

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày phát sinh các tình huống quy định tại khoản 3 Điều này;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Điều lệ này và quy định của pháp luật;

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Ngân hàng nhà nước hoặc Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

5. Địa điểm họp Đại hội cổ đông là trên lãnh thổ Việt Nam.

6. Tất cả chi phí cần thiết để triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại các khoản 3, 4 Điều này sẽ do VietinBank chi trả/hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

7. Trường hợp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát không thực hiện được nhiệm vụ quy định tại các khoản 3 và 4 Điều này thì Chủ tịch Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với VietinBank.

Điều 26. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông trong phạm vi các quy định của pháp luật và Điều lệ này có các quyền hạn và nhiệm vụ sau:

1. Thông qua định hướng hoạt động và phát triển của VietinBank.
2. Đại hội đồng cổ đông thường niên có trách nhiệm phải thông qua báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm; phương án phân phối lợi nhuận.
3. Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ; loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần và phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi.
4. Thông qua phương án góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác có giá trị từ 20% (hai mươi phần trăm) trở lên so với vốn điều lệ của VietinBank ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.
5. Thông qua các hợp đồng có giá trị trên 20% (hai mươi phần trăm) vốn điều lệ của VietinBank ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất giữa VietinBank với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cổ đông lớn, người có liên quan của người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông lớn của VietinBank; công ty con, công ty liên kết của VietinBank.

人

6. Quyết định đầu tư, mua, bán tài sản của VietinBank có giá trị từ 20% (hai mươi phần trăm) trở lên so với vốn điều lệ của VietinBank ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.

7. Thông qua việc mua lại cổ phần đã bán.

8. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ VietinBank.

9. Quyết định tổng mức thù lao, thưởng và các lợi ích khác hàng năm đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

10. Quyết định việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể hoặc yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản VietinBank.

11. Quyết định số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát từng nhiệm kỳ; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát phù hợp với các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

12. Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho VietinBank và cổ đông của VietinBank.

13. Đại hội đồng cổ đông thường niên có trách nhiệm phải thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

14. Quyết định giải pháp khắc phục biến động lớn về tài chính của VietinBank.

15. Quyết định thành lập công ty con.

16. Quyết định chọn tổ chức kiểm toán độc lập.

17. Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý điều hành của VietinBank.

18. Phê chuẩn các văn bản quy định về quản trị nội bộ; tổ chức, hoạt động của Hội đồng quản trị; Ban kiểm soát.

19. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 27. Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Các cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 24 Điều lệ này, trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.

2. Trường hợp cổ đông là tổ chức mới sáp nhập, hợp nhất hoặc cá nhân, tổ chức thừa kế quyền và nghĩa vụ cổ đông trong thời gian từ ngày lập xong danh sách cổ đông đến ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông thì cá nhân, tổ chức kế thừa quyền cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong phạm vi số cổ phần sở hữu hợp pháp.

3. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của VietinBank và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a) Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân hoặc người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

b) Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân hoặc người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

c) Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

4. Trừ trường hợp VietinBank nhận được thông báo bằng văn bản chậm nhất 24 (hai mươi bốn) giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, phiếu bầu của người ủy quyền trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực ngay cả khi người ủy quyền đã:

a) Chết hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;

b) Hủy bỏ hoặc chấm dứt việc ủy quyền.

5. Trường hợp cổ phần được chuyển nhượng và đã được giải quyết chuyển nhượng trong thời gian từ ngày lập xong danh sách cổ đông đến ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông thì người nhận chuyển nhượng có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.

6. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với VietinBank).

Điều 28. Thay đổi các quyền

1. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến vốn cổ phần của VietinBank được chia thành các loại cổ phần khác nhau, về việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với từng loại cổ phần sẽ chỉ được thông qua khi có sự nhất trí của những người nắm giữ ít nhất 75% (bảy mươi lăm phần trăm) quyền biểu quyết của cổ phần đã phát hành loại đó.

2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 30 và Điều 32 Điều lệ này.

3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của VietinBank không bị thay đổi khi VietinBank phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 29. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông được triệu tập bởi Hội đồng quản trị hoặc theo các trường hợp quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 3 Điều 25 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân, giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn 05 (năm) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

e) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

f) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của VietinBank và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của VietinBank. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b) Phiếu biểu quyết;

c) Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 23 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến VietinBank ít nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân, giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;

b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 10% (mười phần trăm) cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng theo quy định tại khoản 2 Điều 23 Điều lệ này;

c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 30. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ hai trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% (năm mươi một phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ ba trong vòng 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 139 của Luật Doanh nghiệp và quy định tại Điều lệ này.

Điều 31. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Vào ngày tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông, các cổ đông có quyền dự họp theo danh sách tiến hành đăng ký dự họp Đại hội đồng cổ đông đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, VietinBank sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.

3. Chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

b) Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.

d) Đại hội đồng cổ đông bầu Ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

4. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách thu thẻ biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó thu thẻ biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được uỷ quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng.

7. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc áp dụng các biện pháp an ninh khác để đảm bảo an toàn cho đại hội.

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

Thời gian hoãn tối đa không quá 03 (ba) ngày kể từ ngày dự định khai mạc đại hội. Đại hội họp lại sẽ chỉ xem xét các nội dung chưa được thông qua tại đại hội bị trì hoãn trước đó.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả các nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý khác để điều khiển cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

Điều 32. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Đối với quyết định về các vấn đề sau đây thì phải được thực hiện thông qua hình thức biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

a) Thông qua định hướng hoạt động và phát triển của VietinBank.

b) Quyết định số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát từng nhiệm kỳ; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát phù hợp với các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

c) Xem xét và xử lý theo thẩm quyền vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho VietinBank và cổ đông của VietinBank.

d) Quyết định việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể hoặc yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản VietinBank.

3. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Ngoại trừ quy định tại điểm b khoản này, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi được số cổ đông đại diện ít nhất 51% (năm mươi một phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.

b) Đối với quyết định về các vấn đề sau đây thì phải được số cổ đông đại diện ít nhất 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận:

(i) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ VietinBank;

(ii) Thông qua phương án thay đổi mức vốn điều lệ; thông qua phương án chào bán cổ phần, bao gồm loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ chào bán;

人

(iii) Quyết định đầu tư, mua, bán tài sản của VietinBank có giá trị từ 20% (hai mươi phần trăm) trở lên so với vốn điều lệ của VietinBank ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;

(iv) Quyết định việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể hoặc yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản VietinBank.

4. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc phân chia số phiếu bầu của mình cho một số ứng cử viên.

5. Trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi có ít nhất 75% (bảy mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận.

6. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% (một trăm phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

7. Số phiếu biểu quyết của mỗi cổ đông có quyền biểu quyết bằng số cổ phần mà cổ đông sở hữu hoặc là người đại diện chủ sở hữu.

8. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

a) Thông qua các hợp đồng quy định tại Điều 26 Điều lệ này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;

b) Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.

9. Nghị quyết hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực thi hành đối với tất cả các cổ đông vắng mặt hay bất đồng ý kiến và được thông báo đến tất cả các cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 15 (mười lăm) ngày hoặc công bố trên trang thông tin điện tử của VietinBank trong vòng 24 (hai mươi bốn) giờ kể từ ngày nghị quyết được thông qua.

Điều 33. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của VietinBank, ngoại trừ các vấn đề quy định tại khoản 2 Điều 32 Điều lệ này.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất 10 (mười) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách

thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 29 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân, giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân, giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f) Thời hạn phải gửi về VietinBank phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị - người đại diện theo pháp luật của VietinBank.

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về VietinBank theo các hình thức sau:

a) Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về VietinBank phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về VietinBank qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến VietinBank nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành VietinBank. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e) Các vấn đề đã được thông qua;

f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị - người đại diện theo pháp luật của VietinBank, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. VietinBank có thể thay thế gửi biên bản kiểm phiếu bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của VietinBank trong vòng hai 24 (hai mươi bốn) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của VietinBank.

9. Nghị quyết được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và phải đủ tỷ lệ cổ đông thông qua theo quy định tại khoản 5 Điều 32 của Điều lệ này.

Điều 34. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;

d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;

e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;

f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g) Tổng số phiếu biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của VietinBank trong thời hạn 24 (hai mươi bốn) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng 10 (mười) ngày kể từ khi gửi biên bản.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của VietinBank.

Điều 35. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 23 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều 32 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 (ba mươi) ngày theo trình tự, thủ tục quy định của pháp luật và Điều lệ này.

CHƯƠNG VII: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để ứng cử, đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05)

ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

2. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế do VietinBank quy định. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 37. Thành phần, nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị VietinBank có tối thiểu là 05 (năm) thành viên và tối đa là 11 (mười một) thành viên, trong đó có ít nhất 01 (một) thành viên độc lập Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị phải có ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên là thành viên độc lập Hội đồng quản trị và thành viên Hội đồng quản trị không điều hành. Số lượng cụ thể thành viên Hội đồng quản trị từng nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

2. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị không quá 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.

Cá nhân và người có liên quan của cá nhân đó hoặc những người đại diện vốn góp của một cổ đông là tổ chức và người có liên quan của những người này được tham gia Hội đồng quản trị của VietinBank, nhưng không được vượt quá 1/3 (một phần ba) tổng số thành viên Hội đồng quản trị của VietinBank, trừ trường hợp là người đại diện phân vốn góp của Nhà nước.

3. Thành viên Hội đồng quản trị không được đồng thời là người quản lý của tổ chức tín dụng khác, trừ trường hợp tổ chức này là công ty con của VietinBank hoặc là thành viên Ban kiểm soát của VietinBank.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 33 của Luật Các tổ chức tín dụng;

b) Có đạo đức nghề nghiệp;

c) Có bằng đại học trở lên;

d) Có ít nhất 03 (ba) năm là người quản lý, người điều hành của tổ chức tín dụng hoặc có ít nhất 05 (năm) năm là người quản lý, người điều hành của doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán hoặc của doanh nghiệp khác có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng hoặc có ít nhất 05 (năm) năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán.

Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đáp ứng các điều kiện độc lập theo quy định tại khoản 23 Điều 1 của Điều lệ này.

5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của VietinBank.

Điều 38. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị VietinBank, có toàn quyền nhân danh VietinBank để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ liên quan đến mục đích, quyền lợi của VietinBank, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Hội đồng quản trị có quyền hạn, nhiệm vụ sau đây:

1. Chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

2. Trình Đại hội đồng cổ đông quyết định, thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông quy định tại Điều 26 Điều lệ này.

3. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của VietinBank.

4. Quyết định cơ cấu tổ chức của trụ sở chính, chi nhánh, công ty con, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp.

5. Quyết định việc mở chi nhánh, văn phòng đại diện, thành lập đơn vị sự nghiệp.

6. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Thư ký Hội đồng quản trị và các chức danh khác theo quy định nội bộ của VietinBank.

7. Thông qua phương án góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác có giá trị dưới 20% (hai mươi phần trăm) vốn điều lệ của VietinBank ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.

8. Cử người đại diện vốn góp của VietinBank tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác. Quyết định việc cổ phần hóa, tổ chức lại, giải thể và phá sản công ty con của VietinBank.

9. Quyết định đầu tư, mua, bán tài sản của VietinBank có giá trị từ 10% (mười phần trăm) trở lên so với vốn điều lệ của VietinBank ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất trừ các trường hợp thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

10. Thông qua các hợp đồng của VietinBank với công ty con, công ty liên kết của VietinBank; các hợp đồng của VietinBank với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cổ đông lớn, người có liên quan của họ có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 20% (hai mươi phần trăm) vốn điều lệ của VietinBank ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất. Trong trường hợp này, thành viên có liên quan không có quyền biểu quyết.

K

11. Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc trong việc thực hiện nhiệm vụ được phân công; đánh giá hàng năm về hiệu quả làm việc của Tổng giám đốc.

12. Ban hành các quy định nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị và hoạt động của VietinBank phù hợp với các quy định của pháp luật, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban kiểm soát hoặc của Đại hội đồng cổ đông.

13. Quyết định chính sách quản lý rủi ro và giám sát việc thực thi các biện pháp phòng ngừa rủi ro của VietinBank.

14. Xem xét, phê duyệt và công bố báo cáo thường niên và báo cáo tài chính đã kiểm toán của VietinBank theo quy định của pháp luật.

15. Lựa chọn tổ chức định giá chuyên nghiệp để định giá tài sản góp vốn không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng theo quy định của pháp luật.

16. Trình Thống đốc Ngân hàng nhà nước chấp thuận hoặc chuẩn y các vấn đề theo quy định của pháp luật.

17. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại.

18. Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu chuyển đổi của VietinBank.

19. Quyết định mua lại cổ phần của VietinBank theo quy định của pháp luật.

20. Kiến nghị phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.

21. Chuẩn bị nội dung, tài liệu liên quan để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, trừ những nội dung thuộc chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát.

22. Duyệt chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông; triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định.

23. Tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc của Hội đồng quản trị.

24. Thông qua các hợp đồng, giao dịch của VietinBank theo quy định tại khoản 3 Điều 61 của Điều lệ này.

25. Quyết định các khoản cấp tín dụng theo quy định tại khoản 7 Điều 128 của Luật Các tổ chức tín dụng, trừ các giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

26. Thông báo kịp thời cho Ngân hàng nhà nước thông tin ảnh hưởng tiêu cực đến tư cách thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc.

27. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật, của Ngân hàng nhà nước, theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông và quy định nội bộ của VietinBank.

28. Hội đồng quản trị có trách nhiệm tuân thủ đúng các quyết định của Đại hội đồng cổ đông, quy định của Điều lệ này và của pháp luật.

Điều 39. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Các thành viên Hội đồng quản trị được nhận thù lao, tiền lương công việc dựa trên kết quả và hiệu quả kinh doanh của VietinBank.

2. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị và trình Đại hội đồng cổ đông thường niên phê duyệt. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo Quy chế quản trị nội bộ của VietinBank.

3. Thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của VietinBank theo quy định của pháp luật và phải ghi thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của VietinBank, phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại các cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác khi thực hiện nhiệm vụ được giao.

Điều 40. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị bầu ra một Chủ tịch trong số các thành viên Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải thường trú ở Việt Nam trong suốt nhiệm kỳ của mình.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị của VietinBank không được đồng thời là người điều hành của VietinBank và của tổ chức tín dụng khác.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị của VietinBank không được đồng thời là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) hoặc các chức danh tương đương của doanh nghiệp khác.

4. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị:

a) Chủ tọa các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

b) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị. Thực hiện quản trị hoạt động VietinBank.

c) Tổ chức kiểm tra, giám sát, chỉ đạo và đánh giá hiệu quả hoạt động quản lý điều hành, thực thi các chiến lược, kế hoạch kinh doanh, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc.

d) Triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị. Chuẩn bị nội dung, chương trình và điều khiển các cuộc họp Hội đồng quản trị để thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị.

e) Tổ chức thông qua quyết định của Hội đồng quản trị. Thay mặt Hội đồng quản trị ký các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; ký các văn bản xử lý công việc thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị; tổ chức thực hiện và giám sát hoặc tổ chức giám sát việc thực hiện các quyết định đó.

1

f) Bảo đảm việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của VietinBank, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.

g) Giám sát các thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện các công việc được phân công và các nhiệm vụ, quyền hạn của họ.

h) Chuẩn bị báo cáo đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông.

i) Bảo đảm rằng người lao động có thể được báo cáo về những bất bình thường liên quan đến tình hình tài chính, hoạt động và các vấn đề chung, kể cả các vi phạm về quy tắc đạo đức của VietinBank với Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc các thành viên Hội đồng quản trị.

k) Đảm bảo các thành viên Hội đồng quản trị nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Hội đồng quản trị phải xem xét.

l) Phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng quản trị. Nội dung phân công nhiệm vụ cho các thành viên phải cụ thể, được thể hiện dưới dạng văn bản và có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

m) Đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên, các Ủy ban của Hội đồng quản trị tối thiểu mỗi năm một lần và báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả đánh giá này.

n) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ này, quy định nội bộ của VietinBank và của pháp luật.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị uỷ quyền bằng văn bản cho một thành viên Hội đồng quản trị khác thực hiện các quyền và nhiệm vụ của mình trong thời gian Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt và thông báo cho các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc VietinBank biết về việc uỷ quyền này.

Điều 41. Quyền, nghĩa vụ thành viên Hội đồng quản trị

1. Thực hiện quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị theo đúng quy chế nội bộ của Hội đồng quản trị và sự phân công của Chủ tịch Hội đồng quản trị một cách trung thực vì lợi ích của VietinBank và cổ đông.

2. Xem xét báo cáo tài chính do kiểm toán viên độc lập chuẩn bị, có ý kiến, yêu cầu người điều hành VietinBank, kiểm toán viên độc lập và kiểm toán viên nội bộ giải trình các vấn đề có liên quan đến báo cáo.

3. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị bất thường theo quy định của pháp luật.

4. Tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, thảo luận và biểu quyết về các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ này, trừ trường hợp không được biểu quyết vì vấn đề xung đột lợi ích với thành viên đó. Chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị về quyết định của mình.

5. Triển khai thực hiện nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị. Thực hiện các công việc, nhiệm vụ theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

6. Có trách nhiệm giải trình trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ được giao khi có yêu cầu.

7. Có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, người quản lý các đơn vị phụ thuộc VietinBank cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của VietinBank và các đơn vị phụ thuộc để thực hiện nhiệm vụ được phân công.

8. Nghiên cứu, đánh giá tình hình, kết quả hoạt động và đóng góp vào việc định hướng phát triển, phương án kinh doanh của VietinBank trong từng thời kỳ.

9. Tham gia bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

10. Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật.

Điều 42. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền được tiến hành trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị VietinBank họp định kỳ và bất thường. Các cuộc họp định kỳ của Hội đồng quản trị tổ chức ít nhất mỗi quý một lần do Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị được Chủ tịch Hội đồng quản trị uỷ quyền triệu tập.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường, theo đề nghị của:

- a) Ban kiểm soát;
- b) Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 (năm) người quản lý khác;
- c) Thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- d) Ít nhất 02 (hai) thành viên Hội đồng quản trị;
- e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Đề nghị phải lập bằng văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền từ chối đề nghị nêu trên nếu vấn đề cần thảo luận và quyết định không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị nhưng phải thông báo cho người đề nghị và các thành viên Hội đồng quản trị biết.

K

4. Trường hợp có yêu cầu bằng văn bản của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán, và tình hình VietinBank nếu xét thấy yêu cầu của kiểm toán viên độc lập là phù hợp và cần thiết.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị gửi thông báo mời họp chậm nhất 5 (năm) ngày trước ngày họp. Thông báo mời họp làm bằng văn bản và bằng tiếng Việt, trong đó nêu rõ chương trình, thời gian và địa điểm họp, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp là các tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị. Thông báo mời họp gửi bằng thư bảo đảm, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác và phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại VietinBank. Thông báo mời họp không kèm theo phiếu biểu quyết cũng phải được đảm bảo gửi đến các thành viên Ban kiểm soát và Tổng giám đốc.

6. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị tiến hành tại trụ sở VietinBank hoặc những địa điểm khác thuận tiện trên lãnh thổ Việt Nam, hoặc tại địa điểm khác theo sự nhất trí chung của các thành viên Hội đồng quản trị.

7. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên Hội đồng quản trị tham dự hoặc thông qua người đại diện thay thế.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

8. Thành viên Hội đồng quản trị phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Khi không trực tiếp dự họp, thành viên Hội đồng quản trị được uỷ quyền biểu quyết cho thành viên Hội đồng quản trị khác hoặc gửi ý kiến biểu quyết bằng văn bản. Thành viên Ban kiểm soát và Tổng giám đốc không phải là thành viên Hội đồng quản trị có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

9. Cuộc họp Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a) Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp, và

b) Nếu muốn, thành viên đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ này hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp trong trường hợp này là địa điểm nơi nhóm thành viên Hội đồng quản trị đông nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

10. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản.

b) Thư ký Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, các tài liệu cần thiết có liên quan đến nội dung xin ý kiến.

c) Phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị.

d) Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu theo quy định của pháp luật. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của thành viên Hội đồng quản trị và gửi về VietinBank theo quy định của VietinBank.

e) Thư ký Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự giám sát của tối thiểu một thành viên độc lập Hội đồng quản trị (Trường hợp chưa có thành viên độc lập Hội đồng quản trị, khi Hội đồng quản trị lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản, thư ký Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự giám sát của tối thiểu một thành viên Ban kiểm soát). Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu theo quy định của pháp luật.

f) Thư ký Hội đồng quản trị tham gia vào việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

g) Biên bản kết quả kiểm phiếu kèm nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị thông qua dựa trên kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.

h) Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của VietinBank.

i) Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị.

11. Biểu quyết, thông qua quyết định của Hội đồng quản trị

a) Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản, thư điện tử hoặc fax.

b) Quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị tại cuộc họp:

(i) Trừ quy định tại điểm (ii) khoản này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có mặt tại cuộc họp có một phiếu biểu quyết.

(ii) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người có liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của VietinBank. Thành viên này, khi đó sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt tại một cuộc họp Hội đồng quản trị về vấn đề mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.

(iii) Trong cuộc họp của Hội đồng quản trị, khi có vấn đề phát sinh liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ tọa cuộc họp và phán quyết của chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố một cách thích đáng.

(iv) Bất kỳ thành viên Hội đồng quản trị nào hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại khoản 1 Điều 61 của Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

c) Thông qua quyết định của Hội đồng quản trị tại cuộc họp: Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua khi được đa số thành viên dự họp biểu quyết đồng ý, bao gồm cả phiếu biểu quyết bằng văn bản và biểu quyết theo ủy quyền. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến chấp thuận của chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên không dự họp được biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản. Phiếu biểu quyết đựng trong phong bì kín được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp. Phiếu biểu quyết hợp lệ bằng văn bản có giá trị ngang bằng với phiếu biểu quyết của những người trực tiếp dự họp.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp có sử dụng điện thoại hoặc các phương tiện thông tin liên lạc khác được tổ chức và tiến hành một cách hợp lệ theo quy định tại khoản 9 Điều này có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký của các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này trong biên bản họp Hội đồng quản trị.

Điều 43. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị bắt buộc phải ghi vào sổ biên bản, trường hợp cần thiết có thể thêm ghi âm, ghi hình. Biên bản được lập bằng tiếng Việt với các nội dung chủ yếu theo quy định của pháp luật.

2. Biên bản họp Hội đồng quản trị và các tài liệu sử dụng trong cuộc họp đó phải được lưu giữ tại trụ sở chính của VietinBank.

Điều 44. Đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ đương nhiên bị mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

a) Mất năng lực hành vi dân sự, chết.

b) Tư cách pháp nhân của cổ đông là tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị đó là người đại diện theo ủy quyền chấm dứt.

Thuộc đối tượng không được làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 1 Điều 33 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010.

- c) Tư cách làm người đại diện theo ủy quyền chấm dứt.
- d) Khi bị Tòa án quyết định trục xuất khỏi lãnh thổ Việt Nam.
- e) VietinBank bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động.
- f) Những trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị bị bãi nhiệm, miễn nhiệm trong các trường hợp:

a) Năng lực hành vi dân sự bị hạn chế.

b) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.

c) Có đơn xin từ chức (trong đó nêu rõ lý do xin từ chức) gửi Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của VietinBank và Ngân hàng nhà nước Việt Nam trước khi ngừng thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình, ít nhất 30 (ba mươi) ngày.

d) Không đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của Điều 50 Luật Các tổ chức tín dụng, Điều lệ này.

e) Không đảm bảo yêu cầu về tính độc lập đối với thành viên độc lập Hội đồng quản trị.

f) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

g) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 3 Điều 25 Điều lệ này. Trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị bị bãi nhiệm, miễn nhiệm thì các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị bầu một thành viên Hội đồng quản trị lên thay theo nguyên tắc đa số.

5. Hội đồng quản trị phải có văn bản báo cáo kèm tài liệu chứng minh về việc thành viên Hội đồng quản trị đương nhiên mất tư cách theo quy định tại khoản 1 Điều này gửi Ngân hàng nhà nước trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày xác định được thành viên Hội đồng quản trị đương nhiên mất tư cách và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này.

Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 2 Điều này, Hội đồng quản trị phải có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo Ngân hàng nhà nước.

6. Sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, đương nhiên mất tư cách, Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị của VietinBank phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.

k

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị còn có thể bị đình chỉ, tạm đình chỉ theo quy định tại Điều 37 Luật Các tổ chức tín dụng.

Điều 45. Các ủy ban giúp việc của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị của VietinBank thành lập và duy trì các Ủy ban sau:

- a) Ủy ban quản lý rủi ro.
- b) Ủy ban nhân sự, tiền lương, khen thưởng.

Nhiệm vụ và quyền hạn cụ thể, số lượng và tiêu chuẩn của các thành viên của các ủy ban này do Hội đồng quản trị quyết định phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Ngoài các ủy ban giúp việc quy định tại khoản 1 Điều này, Hội đồng quản trị có thể thành lập các ban giúp việc khác phù hợp với quy định của Ngân hàng nhà nước, của pháp luật, nếu thấy cần thiết.

3. Hội đồng quản trị lập Ban thư ký làm việc thường xuyên, chuyên trách tại VietinBank. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Ban thư ký do Hội đồng quản trị quy định phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 46. Thư ký VietinBank

1. Hội đồng quản trị giao nhiệm vụ cho một hoặc một số cán bộ đảm nhận vai trò Thư ký VietinBank.

2. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký VietinBank do Hội đồng quản trị VietinBank quy định.

CHƯƠNG VIII: TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 47. Bổ nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn, lương, thưởng và lợi ích khác của Tổng giám đốc

1. Tổng giám đốc là người điều hành hoạt động hàng ngày của VietinBank.

2. Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị thuê hoặc bổ nhiệm, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về thực hiện điều hành hoạt động hàng ngày của VietinBank và các quyền, nhiệm vụ được giao. Tổng giám đốc không đồng thời là Chủ tịch Hội đồng quản trị nhưng có thể là thành viên hoặc không là thành viên của Hội đồng quản trị.

3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là 05 (năm) năm trừ trường hợp Hội đồng quản trị có quyết định khác nhưng không quá 05 (năm) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

4. Quyền và nhiệm vụ của Tổng giám đốc:

a) Trình Hội đồng quản trị của VietinBank:

(i) Kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm.

(ii) Những biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động và quản lý của VietinBank.

(iii) Việc tổ chức, quản trị và hoạt động của VietinBank nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của VietinBank, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ này.

(iv) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị mà Tổng giám đốc phải trình Hội đồng quản trị theo quy định nội bộ của VietinBank, Điều lệ này và pháp luật.

b) Thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của VietinBank đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua.

c) Thiết lập, duy trì và phát triển hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ hợp lý và hoạt động có hiệu quả.

d) Ban hành theo thẩm quyền quy chế, quy định nội bộ; quy trình, thủ tục tác nghiệp để vận hành hệ thống điều hành kinh doanh, hệ thống thông tin báo cáo.

e) Được quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong những trường hợp khẩn cấp (như thiên tai, dịch họa, hoả hoạn) vì lợi ích của VietinBank và chịu trách nhiệm về các quyết định này, sau đó phải báo cáo ngay cho Hội đồng quản trị để giải quyết tiếp.

f) Lập báo cáo kiểm tra, kiểm soát nội bộ để báo cáo về kết quả tự kiểm tra, đánh giá hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ.

g) Chịu sự kiểm tra, giám sát của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ngân hàng nhà nước và các cơ quan nhà nước khác có thẩm quyền đối với việc thực hiện nhiệm vụ điều hành của mình.

h) Bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật các chức danh quản lý trong VietinBank, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông theo quy định nội bộ của VietinBank. Quyết định mức lương, thưởng và phụ cấp (nếu có) đối với những người thuộc thẩm quyền bổ nhiệm, tuyển dụng.

i) Lập các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của VietinBank (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của VietinBank theo kế hoạch kinh doanh.

k) Đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường theo quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật.

l) Báo cáo Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Đại hội đồng cổ đông, Ngân hàng nhà nước và các cơ quan nhà nước khác có thẩm quyền về hoạt động, hiệu quả và kết quả hoạt động kinh doanh của VietinBank theo quy định của Điều lệ này và quy định của pháp luật.

m) Ký kết hợp đồng nhân danh VietinBank theo quy định của Điều lệ và quy định nội bộ của VietinBank.

n) Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận, xử lý lỗ trong kinh doanh của VietinBank.

K

o) Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của VietinBank;

p) Tuyển dụng người lao động, quyết định mức lương, thưởng của người lao động theo thẩm quyền.

q) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ này và các quy định nội bộ của VietinBank, các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động và pháp luật.

5. Hội đồng quản trị quyết định tiền lương, thưởng và các lợi ích khác của Tổng giám đốc căn cứ theo kết quả và hiệu quả kinh doanh. Tiền lương và các chi phí cho hoạt động của Tổng giám đốc tính vào chi phí kinh doanh của VietinBank theo quy định pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của VietinBank và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 48. Giúp việc cho Tổng giám đốc

1. Giúp việc cho Tổng giám đốc là các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Khối, Trưởng các phòng, ban chức năng của VietinBank, trưởng các đơn vị phụ thuộc.

2. Tổng giám đốc dự kiến phân công nhiệm vụ cho các Phó Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị phê duyệt.

3. Số lượng Phó Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định. Nhiệm kỳ của Phó Tổng giám đốc là 05 (năm) năm trừ trường hợp Hội đồng quản trị có quyết định khác nhưng không quá 05 (năm) năm.

4. Kế toán trưởng giúp Tổng giám đốc chỉ đạo thực hiện công tác kế toán, thống kê của VietinBank, có các quyền và nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

Điều 49. Tiêu chuẩn, điều kiện làm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc chi nhánh, Giám đốc công ty con của VietinBank

1. Tổng giám đốc VietinBank phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

a) Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;

b) Không thuộc đối tượng không được làm Tổng giám đốc theo quy định tại khoản 1, Điều 33 của Luật Các tổ chức tín dụng và các quy định của pháp luật về ngân hàng.

c) Có đạo đức nghề nghiệp;

d) Có bằng đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật;

e) Có ít nhất 05 (năm) năm là người điều hành của của tổ chức tín dụng hoặc có ít nhất 05 năm là Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng và có ít nhất 05 (năm) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán hoặc có ít nhất 10 (mười) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán.

f) Có sức khoẻ, trung thực và hiểu biết luật pháp;

g) Cư trú ở Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.

2. Phó Tổng giám đốc VietinBank phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

a) Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

b) Không thuộc đối tượng không được làm Phó Tổng giám đốc theo quy định tại khoản 1, Điều 33 của Luật Các tổ chức tín dụng và các quy định của pháp luật về ngân hàng;

c) Có đạo đức nghề nghiệp;

d) Có bằng đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm; hoặc có bằng đại học trở lên ngoài các ngành, lĩnh vực nêu trên và có ít nhất 03 (ba) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm;

e) Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.

3. Những trường hợp Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc không cùng đảm nhiệm chức vụ:

a) Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, trừ trường hợp tổ chức đó là công ty con của VietinBank.

b) Phó Tổng giám đốc không được đồng thời là Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) hoặc các chức danh tương đương của doanh nghiệp khác.

c) Tổng giám đốc không được đồng thời là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) hoặc các chức danh tương đương của doanh nghiệp khác.

4. Những người sau đây không được là Kế toán trưởng, Giám đốc chi nhánh, Giám đốc công ty con của VietinBank:

a) Người chưa thành niên, người bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b) Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang chấp hành bản án, quyết định về hình sự của Tòa án;

c) Người đã bị kết án về tội từ tội phạm nghiêm trọng trở lên;

d) Người đã bị kết án về tội xâm phạm sở hữu mà chưa được xoá án tích;

e) Cán bộ, công chức, người quản lý từ cấp phòng trở lên trong các doanh nghiệp mà Nhà nước nắm từ 50% (năm mươi phần trăm) vốn điều lệ trở lên, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại VietinBank;

f) Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp

trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại VietinBank.

Điều 50. Đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm, Tổng giám đốc/Phó Tổng giám đốc

1. Tổng giám đốc đương nhiên mất tư cách trong các trường hợp sau:

- a) Mất năng lực hành vi dân sự, chết;
- b) Vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 33 của Luật Các tổ chức tín dụng về những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ;
- c) Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- d) Khi VietinBank bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động;
- e) Khi hợp đồng thuê Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc hết hiệu lực.

2. Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- a) Bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
- b) Có đơn xin từ chức (trong đó nêu rõ lý do xin từ chức) gửi Hội đồng quản trị VietinBank trước khi ngừng thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình, ít nhất 30 (ba mươi) ngày;
- c) Không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng và Điều lệ này;
- d) Theo quyết định của Hội đồng quản trị;
- e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của VietinBank.

3. Hội đồng quản trị miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc theo điểm d khoản 2 Điều này khi có ít nhất 2/3 (hai phần ba) số thành viên Hội đồng quản trị bỏ phiếu tán thành. Hội đồng quản trị miễn nhiệm, bãi nhiệm Phó Tổng giám đốc theo điểm d khoản 2 Điều này khi có nhiều hơn 1/2 (một phần hai) số thành viên Hội đồng quản trị bỏ phiếu tán thành.

4. Hội đồng quản trị phải có văn bản báo cáo kèm tài liệu chứng minh về việc Tổng giám đốc đương nhiên mất tư cách theo quy định tại khoản 1 Điều này gửi Ngân hàng nhà nước trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày xác định được Tổng giám đốc đương nhiên mất tư cách và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này; thực hiện các thủ tục bầu, bổ nhiệm chức danh bị khuyết theo quy định của pháp luật.

Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với Tổng giám đốc theo quy định tại khoản 2 Điều này, Hội đồng quản trị phải có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo Ngân hàng nhà nước.

5. Sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, đương nhiên mất tư cách, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc của VietinBank phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.

6. Tổng giám đốc còn có thể bị đình chỉ, tạm đình chỉ theo quy định tại Điều 37 Luật Các tổ chức tín dụng.

CHƯƠNG IX: BAN KIỂM SOÁT

Điều 51. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát

1. Nguyên tắc ứng cử, đề cử người vào Ban kiểm soát như sau:

Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để ứng cử, đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử đủ số ứng viên tối đa.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế do VietinBank quy định. Thủ tục Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 52. Thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có từ 03 (ba) đến 05 (năm) thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu, trong đó phải có ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên là thành viên chuyên trách, không đồng thời đảm nhiệm chức vụ, công việc khác tại VietinBank, doanh nghiệp khác.

Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát theo nhiệm kỳ của Ban kiểm soát. Thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại với nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ. Ban kiểm soát của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Ban kiểm soát của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.

Thành viên Ban kiểm soát không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:

(i) Thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành, nhân viên của VietinBank hoặc công ty con của VietinBank hoặc nhân viên của doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc VietinBank là thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành hoặc là cổ đông lớn của doanh nghiệp đó.

(ii) Thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành của doanh nghiệp mà thành viên Ban kiểm soát của doanh nghiệp đó đang là thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành tại VietinBank.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 33 của Luật Các tổ chức tín dụng.

b) Có đạo đức nghề nghiệp.

c) Có bằng đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán; có ít nhất 03 (ba) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính, kế toán hoặc kiểm toán.

d) Không phải là người có liên quan của người quản lý của VietinBank.

e) Thành viên Ban kiểm soát chuyên trách phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.

3. Thành viên Ban kiểm soát có các nhiệm vụ và quyền hạn sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn của một thành viên Ban kiểm soát theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ này, quy định nội bộ của Ban kiểm soát một cách trung thực, thận trọng vì lợi ích của VietinBank, Đại hội đồng cổ đông.

b) Bầu một thành viên làm Trưởng Ban kiểm soát.

c) Yêu cầu Trưởng Ban kiểm soát triệu tập họp Ban kiểm soát bất thường.

d) Kiểm soát các hoạt động kinh doanh, kiểm tra sổ sách kế toán, tài sản, các báo cáo tài chính và kiến nghị các biện pháp khắc phục sai phạm nếu có.

e) Báo cáo Trưởng Ban kiểm soát về các hoạt động tài chính bất thường và chịu trách nhiệm cá nhân cho các đánh giá và kết luận của mình.

f) Tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát, tham gia góp ý và biểu quyết về các vấn đề quy định tại Điều 53 Điều lệ này, trừ những vấn đề có xung đột lợi ích.

g) Được quyền yêu cầu cán bộ, nhân viên của VietinBank cung cấp số liệu và giải trình các hoạt động kinh doanh để thực hiện nhiệm vụ được phân công.

h) Các nhiệm vụ và quyền hạn khác được quy định trong Điều lệ này và quy định của pháp luật.

4. Các thành viên Ban kiểm soát bầu 01 (một) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban kiểm soát không được đồng thời là thành viên Ban kiểm soát, người quản lý của tổ chức tín dụng khác.

Trưởng ban kiểm soát có các quyền hạn và trách nhiệm sau:

a) Tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát quy định tại Điều 53 Điều lệ này.

b) Chuẩn bị chương trình cho các cuộc họp của Ban kiểm soát trên cơ sở xem xét các vấn đề và mối quan tâm của các thành viên Ban kiểm soát liên quan đến các vấn đề quy định tại Điều 53 Điều lệ này.

c) Triệu tập và chủ tọa cuộc họp Ban kiểm soát.

d) Chuẩn bị kế hoạch làm việc và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Ban kiểm soát theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát.

e) Giám sát, chỉ đạo các thành viên Ban kiểm soát trong việc thực hiện các công việc được phân công và nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát.

f) Đảm bảo các thành viên Ban kiểm soát nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Ban kiểm soát phải xem xét.

g) Ủy quyền cho một trong số thành viên Ban kiểm soát đảm nhiệm công việc của Trưởng ban trong thời gian vắng mặt.

h) Thay mặt Ban kiểm soát ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Ban kiểm soát.

i) Thay mặt Ban kiểm soát triệu tập Đại hội đồng cổ đông họp bất thường hoặc đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường theo quy định của pháp luật và của Điều lệ này.

k) Tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị, phát biểu ý kiến nhưng không được biểu quyết.

l) Yêu cầu ghi lại ý kiến của mình trong biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị nếu ý kiến của mình khác với nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông.

m) Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật.

5. Thành viên Ban kiểm soát đương nhiên mất tư cách trong các trường hợp sau:

a) Mất năng lực hành vi dân sự, chết.

b) Vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 33 của Luật Các tổ chức tín dụng về những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ.

c) Là người đại diện phần vốn góp của một tổ chức là cổ đông của VietinBank khi tổ chức đó bị chấm dứt tư cách pháp nhân.

d) Không còn là người đại diện phần vốn góp theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức.

e) Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

f) Khi VietinBank bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động.

6. Trưởng ban, thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Bị hạn chế năng lực hành vi dân sự.

b) Có đơn xin từ chức (trong đó nêu rõ lý do xin từ chức) gửi Hội đồng quản trị VietinBank, Ban kiểm soát trước khi ngừng thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình, ít nhất 30 (ba mươi) ngày.

c) Không tham gia hoạt động của Ban kiểm soát trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.

d) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, Điều lệ này.

e) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

f) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

7. Hội đồng quản trị phải có văn bản báo cáo kèm tài liệu chứng minh về việc thành viên Ban kiểm soát đương nhiên mất tư cách theo quy định tại Điều này gửi Ngân hàng nhà nước trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày xác định được thành viên Ban kiểm soát đương nhiên mất tư cách và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này; thực hiện các thủ tục bầu, bổ nhiệm chức danh bị khuyết theo quy định của pháp luật.

Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với Trưởng ban, thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều này, Hội đồng quản trị phải có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo Ngân hàng nhà nước.

8. Sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Trưởng ban, thành viên Ban kiểm soát của VietinBank phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.

9. Trưởng ban, thành viên Ban kiểm soát còn có thể bị đình chỉ, tạm đình chỉ theo quy định tại Điều 37 Luật Các tổ chức tín dụng.

10. Trường hợp Ban kiểm soát hoặc thành viên Ban kiểm soát vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình có nguy cơ gây thiệt hại cho VietinBank thì Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để xem xét và miễn nhiệm Ban kiểm soát hoặc thành viên Ban kiểm soát đương nhiệm và bầu Ban kiểm soát hoặc thành viên mới thay thế.

11. Trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày phát sinh một trong các trường hợp dưới đây, Trưởng Ban kiểm soát phải đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường để bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát:

a) Trong trường hợp khuyết thành viên Ban kiểm soát mà những thành viên còn lại không có chuyên môn về tài chính, kế toán, kiểm toán;

b) Số thành viên Ban kiểm soát không đủ 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên của nhiệm kỳ.

c) Số thành viên Ban kiểm soát không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định của Điều lệ VietinBank.

12. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Trưởng Ban kiểm soát bị mất tư cách, bãi nhiệm, miễn nhiệm, các thành viên Ban kiểm soát có trách nhiệm tổ chức họp Ban kiểm soát để bầu một thành viên Ban kiểm soát có đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ này đảm nhiệm công việc của Trưởng Ban kiểm soát. Trường hợp không có thành viên Ban kiểm soát là cổ đông VietinBank, các thành viên Ban kiểm soát còn lại cử một thành viên đảm bảo tiêu chuẩn về đạo đức nghề nghiệp, năng lực điều hành và trình độ chuyên môn theo quy định của pháp luật và Điều lệ này tạm thời đảm nhiệm công việc của Trưởng Ban kiểm soát và đề nghị Hội đồng quản trị tiến hành triệu tập Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát và tiến hành thủ tục bầu Trưởng Ban kiểm soát.

13. Trong các trường hợp khác, cuộc họp gần nhất của Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu thành viên Ban kiểm soát mới để thay thế cho thành viên Ban kiểm soát đương nhiên mất tư cách, bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc bổ sung những thành viên còn thiếu.

Điều 53. Quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát

1. Giám sát hoạt động và việc tuân thủ theo quy định của pháp luật và Điều lệ đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành VietinBank; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao.

2. Ban hành quy định nội bộ của Ban kiểm soát. Định kỳ hàng năm, xem xét lại quy định nội bộ của Ban kiểm soát, các chính sách quan trọng về kế toán và báo cáo.

3. Thẩm định báo cáo tài chính hàng năm và 06 (sáu) tháng của VietinBank, báo cáo đánh giá công tác quản lý Hội đồng quản trị, báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả thẩm định báo cáo tài chính hàng năm, đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cần trọng trong công tác quản trị, điều hành hoạt động kinh doanh, công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

4. Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của VietinBank liên quan đến hoạt động kinh doanh, quản lý và điều hành VietinBank nếu xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng hoặc theo yêu cầu của cổ đông lớn hoặc nhóm cổ đông lớn phù hợp với quy định của pháp luật.

Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn việc điều hành hoạt động kinh doanh của VietinBank.

5. Lập, lưu giữ và cập nhật danh sách cổ đông lớn, những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và cổ đông sở hữu tối thiểu 5% (năm phần trăm) số cổ phần có quyền biểu quyết của VietinBank.

6. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của VietinBank.

7. Kịp thời thông báo cho Hội đồng quản trị khi phát hiện trường hợp vi phạm của người quản lý VietinBank, đồng thời yêu cầu người vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả, nếu có.

8. Trực tiếp chỉ đạo, điều hành, giám sát hoạt động của bộ phận kiểm toán nội bộ. Có bộ phận giúp việc và được sử dụng các nguồn lực của VietinBank để thực hiện các nhiệm vụ của mình.

9. Đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường hoặc đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông họp bất thường theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

10. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong trường hợp Hội đồng quản trị có quyết định vi phạm nghiêm trọng quy định của pháp luật hoặc có quyết định vượt quá thẩm quyền được giao và trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ này.

11. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh thuộc bộ phận kiểm toán nội bộ.

12. Được thuê tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý đối với các nội dung thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài VietinBank với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp với công việc của VietinBank nếu thấy cần thiết.

13. Thành viên Ban kiểm soát có trách nhiệm bảo mật đối với những thông tin có được từ các tài liệu được quyền tiếp cận, VietinBank có thể ký kết thỏa thuận/Hợp đồng trách nhiệm đối với từng thành viên Ban kiểm soát.

14. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, quy định tại Điều lệ, quy định nội bộ của VietinBank và quy định của pháp luật.

Điều 54. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

2. Các nghị quyết và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải được gửi đến cho các thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của VietinBank theo yêu cầu của Ban kiểm soát.

Điều 55. Thù lao của thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả thù lao theo công việc và được hưởng lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức thù lao và ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát.

2. Các chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập của thành viên Ban kiểm soát được VietinBank thanh toán với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và các chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát tính vào chi phí kinh doanh của VietinBank theo quy định của pháp luật.

Điều 56. Cuộc họp, thông qua quyết định và Biên bản họp Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát họp định kỳ ít nhất mỗi quý một lần và có thể được triệu tập họp bất thường để kịp thời giải quyết những công việc đột xuất.

2. Trưởng Ban kiểm soát phải triệu tập cuộc họp bất thường theo đề nghị của:

a) Ít nhất 02 (hai) thành viên Ban kiểm soát;

- b) Thống đốc Ngân hàng nhà nước;
- c) Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ này.

3. Ban kiểm soát ban hành quy định nội bộ về các nội dung khác (ngoài các nội dung nêu tại khoản 1, khoản 2 Điều này) có liên quan đến cuộc họp Ban kiểm soát (thể thức thông báo, triệu tập họp, thể thức tổ chức cuộc họp, biểu quyết, biên bản họp, lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản) trên cơ sở các quy định đối với cuộc họp Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

CHƯƠNG X: HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ VÀ HỆ THỐNG KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Điều 57. Hệ thống kiểm soát nội bộ

1. VietinBank thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ độc lập, xuyên suốt trong toàn hệ thống VietinBank, cung cấp các thông tin quản lý và thông tin tài chính có độ tin cậy, đầy đủ và kịp thời giúp Hội đồng quản trị, Ban điều hành, điều hành thông suốt, kiểm soát an toàn và đúng pháp luật mọi hoạt động nghiệp vụ của VietinBank.

2. VietinBank thường xuyên kiểm tra, kiểm soát việc chấp hành pháp luật và các quy định nội bộ; trực tiếp kiểm tra, kiểm soát các hoạt động nghiệp vụ trên tất cả các lĩnh vực tại trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp và các công ty con.

Điều 58. Kiểm toán nội bộ

1. VietinBank thành lập kiểm toán nội bộ chuyên trách thuộc Ban kiểm soát thực hiện kiểm toán nội bộ VietinBank.

2. Kiểm toán nội bộ thực hiện rà soát, đánh giá một cách độc lập, khách quan đối với hệ thống kiểm soát nội bộ; đánh giá độc lập về tính thích hợp và sự tuân thủ các chính sách, thủ tục quy trình đã được thiết lập trong VietinBank, mức độ đủ vốn; thông qua đó đơn vị thực hiện kiểm toán nội bộ đưa ra kiến nghị các biện pháp hoàn thiện, cải tiến, khắc phục sai sót, nâng cao năng lực, hiệu quả của VietinBank.

Bên cạnh đó, bộ phận kiểm toán nội bộ nhằm phát hiện và ngăn chặn hành vi vi phạm pháp luật, nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành và hoạt động, đảm bảo an toàn bảo mật thông tin và hoạt động liên tục của hệ thống thông tin, góp phần bảo đảm VietinBank hoạt động an toàn, hiệu quả, đúng pháp luật.

CHƯƠNG XI: TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 59. Công khai lợi ích có liên quan

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng của VietinBank phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với VietinBank bao gồm:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế mà mình và người có liên quan đứng tên sở hữu phần vốn góp, cổ phần hoặc ủy quyền, ủy thác cho cá nhân, tổ chức khác đứng tên từ 5% (năm phần trăm) vốn điều lệ trở lên;

b) Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà mình và người có liên quan đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc).

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được khai báo với VietinBank trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Việc kê khai quy định tại khoản 1 và 2 Điều này phải được thông báo cho Hội đồng quản trị VietinBank và được lưu giữ tại trụ sở chính của VietinBank.

4. VietinBank phải thông báo bằng văn bản cho Ngân hàng Nhà nước các thông tin quy định tại khoản 1 Điều này trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày VietinBank nhận được thông tin công khai theo quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 60. Nghĩa vụ của người quản lý của VietinBank và thành viên Ban kiểm soát

1. Tuân thủ pháp luật, Điều lệ VietinBank, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và quy định của pháp luật trong việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

2. Thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực và theo phương thức mà mình tin là vì lợi ích cao nhất của VietinBank và với một mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng thường có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

3. Trung thành với lợi ích của VietinBank và cổ đông của VietinBank; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của VietinBank, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của VietinBank để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác hoặc làm tổn hại tới lợi ích của VietinBank

4. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Hội đồng quản trị VietinBank về quyền lợi có thể gây xung đột mà họ có được ở các tổ chức kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác và chỉ được sử dụng những cơ hội đó khi Hội đồng quản trị đã xem xét và chấp thuận.

5. Không được cạnh tranh bất hợp pháp với VietinBank hoặc tạo điều kiện cho bên thứ ba gây tổn hại lợi ích của VietinBank.

6. Không được tạo điều kiện để cá nhân mình hoặc người có liên quan của mình vay vốn VietinBank với những điều kiện ưu đãi, thuận lợi hơn so với quy định chung của pháp luật và quy định của VietinBank.

7. Không được tiết lộ bất cứ thông tin nào có tính chất bí mật của VietinBank và / hoặc các công ty mà VietinBank nắm giữ cổ phần trong thời gian làm thành viên Hội đồng

quản trị và trong vòng 03 (ba) năm sau khi thôi làm thành viên Hội đồng quản trị VietinBank.

8. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ này và quy định của pháp luật.

Điều 61. Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị chấp thuận

1. Hợp đồng, giao dịch (không thuộc phạm vi, đối tượng điều chỉnh cấm hoặc hạn chế tại các Điều 126, 127, 128, 129 của Luật Các tổ chức tín dụng) giữa VietinBank với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận (trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Điều 26 của Điều lệ):

a) Cổ đông, người đại diện uỷ quyền của cổ đông sở hữu từ 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông của VietinBank trở lên và những người có liên quan tới họ;

b) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát hoặc Tổng giám đốc;

c) Doanh nghiệp quy định tại khoản 1 Điều 63 Điều lệ này và người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát hoặc Tổng giám đốc;

d) Các hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 7, Điều 128 Luật Các tổ chức tín dụng 2010;

e) Các giao dịch, hợp đồng khác theo quy định của pháp luật, Luật Các tổ chức tín dụng, quy định nội bộ của VietinBank.

2. Các hợp đồng, giao dịch với các đối tượng nêu tại khoản 1 Điều này có giá trị lớn hơn hoặc bằng 20% (hai mươi phần trăm) vốn Điều lệ của VietinBank phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận. Trong trường hợp này, cổ đông đó không có quyền biểu quyết. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu là của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết còn lại đồng ý.

3. Các hợp đồng, giao dịch với các đối tượng nêu tại khoản 1 Điều này có giá trị dưới 20% (hai mươi phần trăm) Vốn Điều lệ của VietinBank phải được Hội đồng quản trị chấp thuận. Tổng giám đốc VietinBank gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị và niêm yết tại trụ sở chính, chi nhánh của VietinBank dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày niêm yết; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.

4. Trường hợp hợp đồng được giao kết hoặc thực hiện mà chưa được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận theo quy định tại các khoản 2 và 3 Điều này thì hợp đồng đó bị vô hiệu và được xử lý theo quy định của pháp luật. Cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc có liên quan gây thiệt hại cho VietinBank bị xử lý kỷ luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả lại VietinBank các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

Điều 62. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc và người quản lý không thực hiện nghĩa vụ của mình một cách trung thực, với sự cẩn trọng, miễn cưỡng và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại của VietinBank do hành vi vi phạm của mình gây ra.

CHƯƠNG XII: MỐI QUAN HỆ GIỮA VIETINBANK VÀ CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN

Mục 1:

Các đơn vị, công ty con, công ty liên kết của VietinBank

Điều 63. Các Đơn vị, công ty con, công ty liên kết của VietinBank

1. VietinBank có các đơn vị phụ thuộc, các công ty con, công ty liên kết được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật.

2. VietinBank có thể thành lập các đơn vị phụ thuộc ở trong nước và nước ngoài để hỗ trợ hoạt động của VietinBank theo quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi pháp luật cho phép.

Mục 2:

Quan hệ giữa VietinBank với các đơn vị phụ thuộc

Điều 64. Quan hệ giữa VietinBank với các đơn vị phụ thuộc

Các đơn vị phụ thuộc của VietinBank, được tổ chức các hoạt động kinh doanh, thực hiện hạch toán, quản lý tổ chức nhân sự và các hoạt động khác theo chế độ phân cấp, ủy quyền của VietinBank và được cụ thể hóa tại quy chế tổ chức và hoạt động của các đơn vị này. Quy chế hoạt động của các đơn vị phụ thuộc do Tổng giám đốc xây dựng và trình Hội đồng quản trị phê duyệt.

Mục 3:

Quan hệ giữa VietinBank với các công ty có liên quan

Điều 65. Quản lý phần vốn góp của VietinBank tại công ty có liên quan

1. VietinBank giao quyền cho người đại diện của VietinBank trực tiếp thay mặt VietinBank quản lý các khoản đầu tư của VietinBank tại các công ty có liên quan trong phạm vi Điều lệ của các công ty có liên quan này cho phép.

2. VietinBank quyết định mức đầu tư vào các công ty có liên quan thành lập mới, điều chỉnh mức đầu tư đối với các công ty có liên quan đang hoạt động phù hợp với chiến lược và kế hoạch kinh doanh của VietinBank và quy định của pháp luật.

3. Quyền và nghĩa vụ của người đại diện của VietinBank tại các công ty có liên quan được xác định theo quy chế do Hội đồng quản trị ban hành và tại từng quyết định cử người đại diện cụ thể.

Điều 66. Chi phối, liên kết, hỗ trợ các Công ty có liên quan

1. Khi VietinBank nắm quyền chi phối đối với một công ty có liên quan, quyền chi phối, hỗ trợ sẽ được quy định trong Điều lệ và Quy chế tài chính của công ty có liên quan, có thể bao gồm các lĩnh vực sau:

- a) Biểu quyết việc phê duyệt Điều lệ hoạt động.
- b) Biểu quyết việc phê duyệt phương hướng chiến lược kinh doanh.
- c) Biểu quyết việc phê duyệt kế hoạch hoạt động hàng năm.

d) Biểu quyết việc phê duyệt các phương án kinh doanh của công ty có liên quan cho việc đầu tư ra ngoài công ty có liên quan.

e) Nhận và thông qua các báo cáo quản lý và các báo cáo tài chính đã được kiểm toán hàng năm của công ty có liên quan.

f) Thu lợi nhuận và chi phí hoàn trả và chịu rủi ro đối với phần vốn của VietinBank đầu tư vào các công ty có liên quan.

g) Các lĩnh vực khác theo Điều lệ của các công ty có liên quan và quy định của pháp luật.

2. VietinBank sẽ không trực tiếp quyết định hoặc trực tiếp tham gia quản lý đối với các công ty có liên quan. Quy định này không loại trừ quyền của người đại diện của VietinBank thực hiện các vai trò quản lý, điều hành tại các công ty có liên quan.

CHƯƠNG XIII:

QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH, SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ NGÂN HÀNG

Điều 67. Quyền tiếp cận, kiểm tra sổ sách và hồ sơ Ngân hàng

1. Cổ đông của VietinBank có quyền xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong danh sách cổ đông; xem xét, tra cứu và trích lục hoặc sao chụp Điều lệ VietinBank, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

2. Ngoài quyền tiếp cận theo quy định tại khoản 1 Điều này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông của VietinBank trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng có quyền tiếp cận hồ sơ và sổ sách VietinBank theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của VietinBank, danh sách cổ đông và những sổ sách, hồ sơ, tài liệu khác của VietinBank để phục vụ cho nhiệm vụ của mình tại VietinBank và chịu trách nhiệm bảo mật các thông tin tài liệu được cung cấp.

Điều 68. Chế độ lưu giữ tài liệu của VietinBank

1. VietinBank lưu giữ các tài liệu sau đây tại trụ sở chính VietinBank:

a) Điều lệ VietinBank; sửa đổi, bổ sung Điều lệ VietinBank; quy chế quản lý nội bộ của VietinBank; Sổ đăng ký cổ đông.

b) Giấy phép thành lập và hoạt động; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp; giấy chứng nhận đăng ký chất lượng sản phẩm; các giấy phép và giấy chứng nhận khác.

c) Tài liệu, giấy tờ xác nhận quyền sở hữu tài sản của VietinBank.

d) Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; Ban kiểm soát; các quyết định của VietinBank.

e) Bản cáo bạch để phát hành chứng khoán (nếu có).

f) Báo cáo của Ban kiểm soát, kết luận của cơ quan thanh tra, kết luận của tổ chức kiểm toán độc lập.

g) Sổ kế toán, chứng từ kế toán, báo cáo tài chính hàng năm của VietinBank.

h) Báo cáo, tài liệu quyết toán tài chính hàng năm của VietinBank.

i) Báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tổng hợp kết quả kinh doanh hàng năm, báo cáo tổng hợp công tác quản lý, điều hành của VietinBank.

k) Các tài liệu khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

2. Bản sao các báo cáo, tài liệu quyết toán hàng năm của VietinBank, của các công ty con và các báo cáo tài chính hợp nhất được lưu giữ ở các chi nhánh của VietinBank trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Thời hạn lưu giữ các tài liệu nêu tại khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định của pháp luật.

4. Tổng giám đốc VietinBank chịu trách nhiệm tổ chức việc lưu giữ và bảo mật hồ sơ, tài liệu VietinBank theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

Điều 69. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng

VietinBank phải công bố ra công chúng các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác theo những quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của pháp luật liên quan.

CHƯƠNG XIV: PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 70. Phân phối lợi nhuận

1. Sau khi trích lập các quỹ, lợi nhuận giữ lại của VietinBank được sử dụng để trả cổ tức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Cổ tức được chia theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông trên cơ sở đề nghị của Hội đồng quản trị. VietinBank chi trả cổ tức cho cổ đông sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập các quỹ VietinBank và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của Điều lệ này và pháp luật; ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, VietinBank vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn (nếu có).

A

3. Cổ tức trả cho cổ phần ưu đãi được thực hiện theo các điều kiện áp dụng riêng cho mỗi loại cổ phần ưu đãi.

4. Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào nguồn lợi nhuận giữ lại của VietinBank do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

5. Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của VietinBank hoặc bằng tài sản khác do Hội đồng quản trị đề nghị và Đại hội đồng cổ đông quyết định. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì được thực hiện bằng đồng Việt Nam và có thể được thanh toán bằng chuyển khoản theo yêu cầu của cổ đông.

Cổ tức có thể được thanh toán bằng chuyển khoản qua ngân hàng khi VietinBank đã có đủ chi tiết về ngân hàng của cổ đông để có thể chuyển trực tiếp được vào tài khoản ngân hàng của cổ đông. VietinBank không chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ việc chuyển khoản đó trong trường hợp đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng như thông báo của cổ đông. Trong trường hợp cổ phiếu được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán, việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phần này có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký.

6. Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 06 (sáu) tháng, kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Hội đồng quản trị phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất 30 (ba mươi) ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký tất cả cổ đông chậm nhất 15 (mười lăm) ngày trước khi thực hiện trả cổ tức.

Thông báo phải ghi rõ tên VietinBank; họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại của cổ đông; mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận, thời điểm và phương thức trả cổ tức; họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc của VietinBank.

7. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ VietinBank.

8. Trường hợp chi trả cổ tức bằng cổ phần, VietinBank không phải làm thủ tục chào bán cổ phần theo quy định tại các Điều 122, 123 và 124 của Luật Doanh nghiệp. VietinBank phải đăng ký tăng vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần dùng để chi trả cổ tức trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán cổ tức.

9. Hội đồng quản trị có thể thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng thanh toán và sinh lời của VietinBank.

10. Trừ trường hợp cổ phiếu có các quyền đi kèm hoặc các điều khoản phát sinh cổ phiếu có quy định khác, mức cổ tức của những cổ phiếu chưa được thanh toán hết được trả theo tỷ lệ tương ứng với khoản tiền đã thanh toán cho việc mua cổ phiếu đó tính đến thời

điểm chi trả cổ tức. VietinBank không chi trả cổ tức bổ sung khi các cổ phiếu đó được thanh toán hết.

11. VietinBank không trả lãi cho bất cứ một khoản cổ tức hay khoản tiền nào khác mà cổ đông chưa nhận khi đến hạn trả cổ tức.

CHƯƠNG XV: TÀI CHÍNH, HẠCH TOÁN, BÁO CÁO

Điều 71. Trích lập quỹ

1. VietinBank trích lập các quỹ và dự phòng theo đúng quy định của pháp luật.

2. Lợi nhuận của VietinBank sau khi bù đắp lỗ năm trước theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật, phần lợi nhuận còn lại được phân phối như sau:

a) Chia lãi cho các bên góp vốn liên kết theo quy định của hợp đồng kinh tế đã ký kết (nếu có).

b) Bù đắp khoản lỗ của các năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp.

c) Trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật.

Điều 72. Năm tài chính

Năm tài chính của VietinBank bắt đầu từ ngày 01 (mùng một) tháng 01 (một) hàng năm và kết thúc vào ngày 31 (ba mươi mốt) tháng 12 (mười hai) cùng năm (năm dương lịch). Năm tài chính đầu tiên từ ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 (ba mươi mốt) tháng 12 (mười hai) cùng năm đó.

Điều 73. Hạch toán, kế toán

1. Chế độ tài chính của VietinBank được thực hiện theo quy định của pháp luật.

2. VietinBank thực hiện hạch toán, kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán.

Điều 74. Báo cáo

1. VietinBank thực hiện lập các báo cáo tài chính, báo cáo thống kê và các báo cáo hoạt động nghiệp vụ hàng năm theo quy định của pháp luật và quy định của Ngân hàng nhà nước.

2. Báo cáo tài chính hàng năm của VietinBank phải lập một cách trung thực và khách quan, được kiểm toán trước khi trình Đại hội cổ đông xem xét, thông qua. Tổng giám đốc VietinBank tổ chức thực hiện việc lập các báo cáo tài chính theo quy định.

3. Hội đồng quản trị theo dõi, giám sát việc lập các báo cáo tài chính; các báo cáo về tình hình kinh doanh của VietinBank, các báo cáo về tình hình tài chính của VietinBank, báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành VietinBank và gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất 30 (ba mươi) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông.

✍

4. Báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, sau khi được Ban kiểm soát thẩm định sẽ được thông báo đến tất cả các cổ đông chậm nhất 07 (bảy) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông và được công bố theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

5. Các báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua gửi đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XVI: KIỂM TOÁN

Điều 75. Kiểm toán

1. Theo đề xuất của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông quyết định chọn một công ty kiểm toán độc lập được phép hoạt động hợp pháp tại Việt Nam để tiến hành các hoạt động kiểm toán báo cáo tài chính của VietinBank cho năm tài chính tiếp theo phù hợp với quy định tại Điều lệ này, quy định của Ngân hàng nhà nước và quy định khác có liên quan của pháp luật.

2. Một bản sao của báo cáo kiểm toán được đính kèm với mỗi bản báo cáo kế toán hàng năm của VietinBank.

3. VietinBank sẽ chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính hàng năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

4. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận báo cáo tài chính hàng năm của VietinBank, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng 03 (ba) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Các nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho VietinBank phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận, nếu pháp luật có yêu cầu.

5. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của VietinBank sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại Đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

CHƯƠNG XVII: CON DẤU

Điều 76. Con dấu

1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của VietinBank và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp và Điều lệ VietinBank.

2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XVIII:
TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ, CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG,
THANH LÝ, PHÁ SẢN VIETINBANK

Điều 77. Tổ chức lại

Việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập và chuyển đổi VietinBank thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 78. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất 07 (bảy) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông (đạt từ 65% (sáu mươi lăm phần trăm) trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua) biểu quyết về việc đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền gia hạn hoạt động.

3. Trình tự, thủ tục xin gia hạn hoạt động được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 79. Giải thể VietinBank

1. VietinBank bị giải thể trong những trường hợp sau:

a) Tự nguyện xin giải thể nếu có khả năng thanh toán hết nợ và được Ngân hàng nhà nước chấp thuận bằng văn bản;

b) Khi hết thời hạn hoạt động không xin gia hạn hoặc xin gia hạn nhưng không được Ngân hàng nhà nước chấp thuận bằng văn bản;

c) Bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Các quyết định giải thể VietinBank do Đại hội đồng cổ đông thông qua và phải được thông báo lên cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Việc thanh lý tài sản của VietinBank do giải thể được thực hiện dưới sự giám sát của Ngân hàng nhà nước.

3. Chậm nhất trong thời hạn 06 (sáu) tháng kể từ ngày có quyết định giải thể VietinBank, Hội đồng quản trị thành lập Ban thanh lý gồm tối thiểu 03 (ba) thành viên, trong đó hai thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số cán bộ, nhân viên của VietinBank hoặc thuê chuyên gia độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình, quy trình và thủ tục thanh lý. Tất cả các chi phí liên quan đến việc thanh lý tài sản được VietinBank ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của VietinBank.

4. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày được thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt VietinBank trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý VietinBank trước các cơ quan liên quan.

人

5. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ thanh toán theo thứ tự sau:

- a) Các chi phí thanh lý.
- b) Tiền lương và chi phí bảo hiểm theo quy định của pháp luật cho cán bộ nhân viên.
- c) Thuế và các chi phí có tính chất thuế mà VietinBank phải trả cho Nhà nước Việt Nam.
- d) Các khoản vay và nợ khác của VietinBank.
- e) Số dư còn lại sau khi đã thanh toán mọi khoản nợ từ điểm a đến điểm d khoản này được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ được ưu tiên thanh toán trước.

6. Các thủ tục và quy định khác liên quan đến giải thể VietinBank thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 80. Phá sản VietinBank

Việc phá sản VietinBank được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản.

CHƯƠNG XIX: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 81. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới công việc của VietinBank hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ này hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do pháp luật quy định, giữa:

- a) Một cổ đông hay các cổ đông với VietinBank.
- b) Một cổ đông hoặc các cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người quản lý của VietinBank.

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu mỗi bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày phát sinh tranh chấp. Nếu tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trong trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 6 (sáu) tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra cơ quan Trọng tài hoặc Tòa án có thẩm quyền.

3. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Các chi phí của Tòa án hay Trọng tài sẽ do các cơ quan này quyết định bên nào phải chịu.

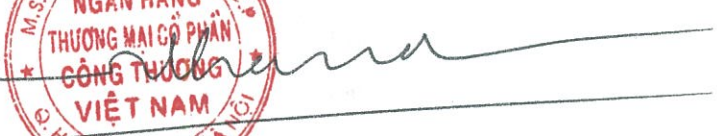
**CHƯƠNG XX:
BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ**

Điều 82. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này do Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của VietinBank chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và sẽ điều chỉnh hoạt động của VietinBank.

**CHƯƠNG XXI:
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 83. Ngày hiệu lực

1. Bản Điều lệ này gồm 21 chương 83 Điều được Đại hội đồng cổ đông Vietinbank nhất trí thông qua ngày 21 tháng 4 năm 2018 tại thành phố Hà Nội và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Ngôn ngữ chính thức được sử dụng trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, họp Hội đồng quản trị, họp Ban kiểm soát là tiếng Việt; ngôn ngữ sử dụng trong các văn bản Điều lệ, quy chế, quy định, quyết định của VietinBank cũng như trong biên bản các cuộc họp kể trên là tiếng Việt. Các cổ đông nước ngoài (nếu có) tự chuẩn bị người và chịu các chi phí phiên dịch, biên dịch từ tiếng Việt sang tiếng nước ngoài.
3. Điều lệ này có hiệu lực thi hành kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
4. Tất cả các đơn vị và cá nhân thuộc VietinBank có trách nhiệm tuân thủ các quy định tại Điều lệ này.
5. Điều lệ được lập thành 10 (mười) bản gốc có giá trị như nhau, được lưu giữ và được nộp cho cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.
6. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ VietinBank chỉ có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Hội đồng quản trị VietinBank. 

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Thắng